

# Thủy Kính Hồi Thiên Lục

*Phẩm Đế Vương*



*HT Tuyên Hóa*

---o0o---

*Nguồn*

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

*Chuyển sang ebook 18-03-2015*

*Người thực hiện :*

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phapthihei.org](http://www.phapthihei.org)

Mục Lục

**PHẦN TỰA  
LỜI TỰ SỰ**

**CẢM NHẬN CỦA ĐỘC GIẢ  
A DỤC VƯƠNG (268-226 TRƯỚC CN) VỊ ĐẠI HỘ PHÁP CỦA PHẬT  
GIÁO  
HÔN QUÂN CUỐI ĐỜI NHÀ HẠ HẠ KIỆT VƯƠNG  
ĐƯỜNG THÁI TÔNG  
ĐÁNH HẾT KHÔNG NGỘ - ĐƯỜNG TUYÊN TÔNG  
CHÂU U VƯƠNG - NỔ LỬA “ĐÀI TIN” TRÊU GẠT CHƯ HẦU (NĂM  
781-771 TRƯỚC TÂY LỊCH)  
TÀN THUYỂN HOÀNG - HOÀNG ĐẾ TÀN BẠO ĐỘC TÀI CHUYÊN CHẾ**

---o0o---

## **PHẦN TỰA**

*Thủ bút Phần tựa Thủy Kính Hồi Thiên của Hòa Thượng  
Tuyên Hóa*

Chúng ta hãy lắng lòng nhìn kỹ mà xem, khắp tam thiên đại thiên thế giới ngày nay, ác nghiệp đầy đầy, các quốc gia tàn sát nhau dẫn đến chiến tranh thế giới; nhà nhà giết hại lẫn nhau dẫn đến chiến tranh làng xóm, người người giết hại lẫn nhau tạo nên chiến tranh giữa mình và người; tự mình giết hại bản thân mình tạo thành chiến tranh trong tâm tánh; cho đến hư không cùng hư không giết hại nhau, nước cùng nước giết hại nhau, tạo thành các loại chiến tranh hữu hình và vô hình... Ôi! Thật là khổ đau và buồn thương vô hạn!

Vô lượng tai ương nạn ách đều do nghiệp sát tạo thành. Chúng ta nếu không kịp thời tỉnh thức ngăn chặn nguyên nhân sát sanh, duyên do sát sanh, phương pháp sát sanh, cùng nghiệp sát sanh, thì khó mà chuyển đổi được tai ách để được an lạc.

Tai ương ách nạn là do sát nghiệp sanh ra, sát nghiệp là do tâm sanh ra; nếu tâm không sanh lòng giết hại, lòng trộm cướp, lòng tà dâm, lòng nói dối, lòng uống rượu mà lại nghiêm trì năm giới, siêng tu tam vô lậu học (giới, định, huệ), thì tất cả ác nghiệp liền được tiêu trừ. Khi đó thì “bốn lai diện mục” không khó nhận thức, “bốn hữu trí huệ” tất tự nhiên hiện tiền. Cảnh vật ở nơi này kỳ diệu biết bao không

nơi nào có được. “Bổn địa phong quang” có lý thú kỳ diệu riêng mà ý vị thật vô cùng tận! Chúng ta nếu muốn được thưởng thức cái ý vị đó thì phải phát khởi lòng hướng thiện, gạt lọc tâm tính, phát tâm đại tinh tấn đồng mãnh, lập chí tiến tu nguyện thành đạo quả, để cứu độ nhân sinh cùng tới được bờ bên kia, cùng các bậc thiện nhân cao thượng vui vầy một chỗ, mãi mãi được bầu bạn cùng các bậc Bồ Tát bất thối. Cho nên, tôi viết quyển “*Thủy Kính Hồi Thiên Lục*” là vì mục đích này!

Tuy nhiên, nói thì dễ nhưng làm lại rất khó, nguyên nhân là do đâu ? Là bởi, chúng sinh trên bước đường tu tập điều thiện, dù được ân cần chỉ dạy năm lần bảy lượt, họ vẫn không thực hành theo; nếu gặp ác duyên, thì niệm niệm tăng trưởng, không ai dạy cho cũng tự biết làm! Kẻ lầm đường lạc lối mà biết quay lại thật ít lắm thay! Thế thì, có khác nào “ánh trăng đáy nước, bóng hoa trong gương”, tuy có ảnh mà không hình. Đây chính gọi là sự hy vọng vào việc không thể hy vọng, sự thành tựu việc không thể thành tựu, cho nên nói rằng: “Thủy Kính Hồi Thiên” là thế đấy !

Ngày 17 tháng 11, năm Nhâm Thìn (1952), ngày Di Đà Đản Sanh

An Từ căn chí

**Chú thích:**

*An Từ là pháp danh của Hòa thượng Tuyên Hóa.*

---o0o---



Giải thích lý do viết “Thủy Kính Hồi Thiên Lục” bằng văn Bạch Thoại

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng vào ngày 1 tháng 10 năm 1988 tại Kim Sơn Thánh Tự.

“Thủy và kính” (nước và gương) trong bộ “Thủy Kính Hồi Thiên Lục” này đều là những vật có bóng dáng nhưng không có hình tướng cụ thể; trăng trong nước và hoa trong gương đều không có tự thể. Hai ví dụ trên là động cơ để tôi viết nên bộ “Thủy Kính Hồi Thiên Lục” này, với mong ước cứu vãn phần nào tai kiếp trên thế giới hiện nay. Tai kiếp là số trời đã định; quý vị làm nhiều điều ác sẽ tự chuốc lấy quả báo, cho nên nói tự mình làm tự mình chịu. Tự làm tự chịu vốn là đạo lý rất công bằng, không có sức mạnh nào có thể cứu vãn, xoay chuyển được thiên số này. Cứu vãn là hy vọng tội đã tạo vốn phải chịu quả báo có thể được giảm nhẹ, trở lại làm một người không gây tạo tội ác nữa. Thọ quả báo vốn là nghiệp đã tạo từ trước, hôm nay phải nhận lấy hậu quả; sự việc đã như vậy, khó có thể vãn hồi. Bây giờ chúng ta muốn cứu vãn tội nghiệp của mình, việc này cũng giống như trăng trong nước, hoa trong gương, thật là mờ mịt, thật không thể nắm bắt. Tuy nói không thể nắm bắt, và cũng rất là mờ mịt, nhưng tôi vẫn muốn làm, biết là nó không thể nhưng vẫn cứ muốn làm, biết rõ là không dễ vãn hồi, nhưng vẫn muốn xoay chuyển ý trời.

Chữ “Hồi thiên” này không phải là đi lên trời, mà là muốn vãn hồi lại ý trời, muốn cứu vãn tai kiếp lớn; muốn cứu con người ra khỏi vô số những tai kiếp vốn phải chịu trên thế gian như nạn đao binh, nạn nước, lửa, bệnh dịch tràn lan v.v.. trong tam tai bát nạn. Người phải chết trong nạn đao binh cũng chính là người phải chết trong nạn chiến tranh, chúng ta đến chiến trường cứu sống những người này lại; nước lớn nhận chìm người, lửa dữ thiêu chết người, chúng ta cứu người từ trong nạn nước lửa này; trước khi con người mắc phải hay chưa mắc phải vô số những bệnh dịch tràn lan như: bệnh ôn dịch, bệnh truyền nhiễm, bệnh Aids (sida) và bệnh ung thư không trị được... chúng ta dạy họ cách phòng ngừa, giúp họ thoát khỏi tay tử thần, cứu người sắp chết sống lại, đây gọi là “Thủy Kính Hồi Thiên Lục” và đây cũng là động cơ giúp tôi viết nên bộ sách này. Nói chung tuy trăng trong nước, hoa trong gương không có thật thể,

nhưng trong cái hư vọng mờ mịt đó, tôi phải cố gắng hết sức mình để cứu vãn tai kiếp lớn này, khiến cho tai nạn không phát sanh trên thế giới của chúng ta.

Cho nên mới nói “Tĩnh quán tam thiên đại thiên thế giới” (lẳng lòng nhìn kỹ khắp tam thiên đại thiên thế giới), “tĩnh” chính là bình tâm tĩnh chí, “quán” chính là xem xét, chúng ta bình tâm tĩnh chí để xem xét cái gì? Xem xét trong ba ngàn đại thiên thế giới, ác nghiệp đầy đầy. Một núi Tu di, một mặt trời mặt trăng, một tứ đại bộ châu hợp lại thì gọi là một thế giới. Thế thì một ngàn ngọn núi tu di, một ngàn mặt trời mặt trăng, một ngàn tứ đại bộ châu hợp lại thì gọi là một tiểu thiên thế giới; hợp một ngàn tiểu thiên thế giới lại, gọi là một trung thiên thế giới; hợp một ngàn trung thiên thế giới lại, gọi là một đại thiên thế giới. Hiện tại nói ba ngàn đại thiên thế giới, chính là tập hợp của ba cái “thiên”, tiểu thiên thế giới, trung thiên thế giới và đại thiên thế giới, nên gọi là ba ngàn đại thiên thế giới. Rốt cuộc ở đây có bao nhiêu thế giới? E rằng dùng máy tính cũng không thể tính đếm hết được số thế giới này.

Thế thì trong nhiều thế giới như vậy, thiện nghiệp trong mỗi thế giới rất ít, đa số đều là ác nghiệp, ác nghiệp lan tràn khắp nơi, đầy cả hư không pháp giới. Làm sao có thể chứng minh được nó đầy cả hư không pháp giới? Quý vị nhìn xem, người của đất nước này muốn giết người của đất nước kia, người của đất nước kia lại muốn giết người của đất nước này. Vì sao như thế? Vì họ nhất định muốn tiêu diệt đối phương để mở rộng lãnh thổ, quyền lợi và địa vị của mình cho nên mới tạo thành chiến tranh thế giới.Ồ! Anh phát minh ra bom nguyên tử, tôi cũng phát minh ra bom khinh khí! Anh có phát minh ra cái gì, phát hiện ra một; tôi cũng phát minh ra cái khác, phát hiện ra hai, cứ thế không bao giờ chấm dứt. Những thứ được tạo ra đều là những vũ khí dùng để giết người, cho nên mới tạo thành chiến tranh thế giới.

Chiến tranh thế giới bắt nguồn từ đâu? Chính là bắt nguồn từ việc nhà với nhà giết hại lẫn nhau, có nhân sát, duyên

sát, pháp sát và nghiệp sát. Giữa các nhà với nhau, anh muốn hủy diệt gia đình của tôi, tôi cũng muốn hủy diệt gia đình anh, đôi bên không chấp nhận lẫn nhau, cho nên mới tạo thành sự đối nghịch giữa các thôn làng, thậm chí đến gà chó cũng không được an toàn. Thế vì sao ngay trong gia đình cũng có chiến tranh? Vì những người trong cùng một nhà muốn giết hại lẫn nhau. Giáp muốn giết Ất<sup>1</sup> (1), muốn tích chứa tất cả lương thực trên thế gian để riêng mình dùng; còn Ất thì sao? Ất cũng muốn giết Giáp, gom tất cả châu báu trên thế gian vào trong tay mình; cho nên mới tạo thành chiến tranh giữa con người với nhau, vì họ không thể dung hợp lẫn nhau. Chiến tranh giữa người và người là chuyện nhỏ, thậm chí đến bản thân mình cũng có sự xung đột, tự mình đối với chính mình cũng có loại nhân sát, duyên sát, pháp sát và nghiệp sát. Nhân sát là trong tâm khởi lên niệm giết hại; nhân sát là gặp được việc phù hợp với tâm niệm sát, dẫn đến ra tay hành động; pháp sát là có được dịp thuận lợi rồi, nhưng người ra tay cần có một phương pháp, thế là tìm đủ mọi cách để giết người; giết người rồi, sẽ tạo thành nghiệp sát nhân. Đây chính là ngay nơi bản thân mình đã có sự tương sát! Ngay cả trong tâm cũng khởi lên chiến tranh, đây chính là lúc thế giới không có sự an ninh.

Chiến tranh trong tâm, dẫn đến chiến tranh giữa các gia đình, giữa các quốc gia. Vì có nghiệp sát như thế, nên thân làm nguyên thủ lãnh đạo quốc gia, ví dụ như làm quốc vương, tổng thống, hoàng đế sẽ đi gây chiến với nước khác. Vì giành đất mà gây chiến, sẽ giết người đầy đồng; vì tranh thành mà gây chiến, sẽ giết người ngập thành. Muốn giết thì phải có cách giết, thế là phóng ra một số khí độc, bom nguyên tử cũng có độc, bom khinh khí cũng có độc, cho đến hiện tại chế tạo ra hỏa tiễn, đạn đạo tầm xa cũng đều có một luồng khí độc, luồng khí độc này đầy cả hư không, khiến cho giữa hư không và hư không có sự hủy diệt lẫn nhau. Hư không kia của anh muốn chiếm hữu hư không này của tôi, hư không này của tôi cũng muốn nuốt chửng hư không kia của anh. Giữa nước với nhau cũng có sự tương sát, nước

tương sát như thế nào? Anh nhả khí độc vào trong biển, muốn giết hại người bên phía chúng tôi, người khác cũng thả độc vào nước, đôi bên đều thải ra chất độc hóa học, khiến cơ thể con người hít phải độc tố, mắc phải bệnh kỳ lạ không thể trị được. những chất độc mang tính cảm nhiễm ngấm ngấm này đều rất đáng sợ, làm ô nhiễm không khí, ô nhiễm trái đất, nước cũng bị ô nhiễm, trên đất liền, dưới biển cả, trong hư không không nơi nào an toàn cả. Tai kiếp này vô cùng thảm khốc, cho nên nói “thảm thay, đau thay!” Thật là đáng sợ thay!

Nếu muốn vãn hồi tai kiếp này, muốn xoay chuyển lại ý trời, cứu vãn tất cả tai nạn, bệnh tật, vô hình trung khiến những điều trên không sanh khởi thì con người chúng ta nên giữ giới không giết hại và thực hành hạnh phóng sanh. Vì tất cả chiến tranh đều từ giết hại sanh mạng mà ra. Tại sao nầy sanh ra hành động giết hại sanh mạng ? Vì khởi lên niệm giết hại, nếu không có niệm giết hại thì duyên giết hại, phương pháp giết hại và nghiệp giết hại cũng tự nhiên không có, dẫn đến không có tất cả những tai kiếp.

Vì vậy mà con người phải giữ gìn năm giới:

1. Không giết hại, ngay cả ý niệm giết hại cũng không có.
2. Không trộm cắp, ý niệm trộm cắp cũng không khởi.
3. Không tà dâm, không khởi lên ý niệm tà dâm. “Vạn điều ác dâm đứng đầu, trăm điều lành hiếu trước tiên” lại nói “vạn điều ác dâm đứng đầu, con đường chết không thể đi”. Quý vị mượn người ta bao nhiêu, sẽ phải trả lại bấy nhiêu, quả báo một mảy may chẳng sót.
4. Không nói dối, quý vị không thể luôn nói dối để dối gạt người, ngay cả ý niệm nói dối cũng không nên có.
5. Không uống rượu, cũng không nên khởi ý niệm uống rượu; uống rượu nhiều sẽ cuồng loạn tâm tánh, cuồng loạn tâm tánh sẽ gây ra rất nhiều việc trái với bốn phận, vượt ra ngoài đạo lý, không hợp phép tắc; cho nên phải kiêng bỏ uống rượu.

Quý vị có thể nghiêm trì năm giới, lại có thể thực hành mười điều thiện, đây chính là việc làm có thể tiêu diệt tai kiếp ác nạn trên thế gian; cho nên đang trong thời gian phòng ngừa tai họa, chúng ta nên hành trì năm giới; nếu ai cũng giữ gìn năm giới thì thế giới sẽ thái bình, con người không còn gặp phải tai nạn nữa.

Kiếp nạn lớn vốn là ý trời, muốn cứu vãn tai kiếp lớn chính là hồi thiên, quý vị có cách có thể xoay chuyển lại ý trời, mọi người đều sẽ được an lạc; mọi người an lạc, thế giới sẽ không còn chiến tranh. Kiếp nạn lớn là do sát sanh quá nhiều mà có; quý vị thấy con người chúng ta mỗi ngày giết bao nhiêu bò, dê, heo? Cho nên ngay cả tâm giết hại đều phải không có, phải thọ trì năm giới, chuyên cần tu tập ba môn học Giới, Định, Huệ. Cái gì gọi là Giới? Giới chính là không làm các điều ác, chuyên hành các điều thiện; Định là không làm việc không chánh đáng; Huệ chính là có trí tuệ. Vì sao làm ác? Vì không giữ giới luật; nếu có thể giữ giới luật “không làm các điều ác, chuyên hành các việc lành”, tự nhiên sẽ thành tựu được thiện nghiệp. Cho nên muốn tiêu diệt tất cả các tai kiếp, tất phải trừ bỏ niệm giết hại, trộm cắp, dâm dục, vọng ngữ và uống rượu, thì mới có thể nhận thức được mặt mũi xưa nay của quý vị.

Mặt mũi xưa nay của quý vị là cái gì? Chính là “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và đều có thể làm Phật”. Quý vị có thể nhận thức được Phật tánh của mình, tương lai nhất định sẽ thành Phật; trí tuệ thông minh vốn có của mình sẽ tự hiển bày, thấy được bốn địa phong quang. Bốn địa phong quang chính là nơi quý vị đã từng đến, cũng chính là đến được với Phật tánh của quý vị, Phật tánh vô cùng kỳ diệu, ý vị vô cùng. Chúng ta muốn thử làm thì đầu tiên phải như thế nào? Phải thanh tịnh ý chí, tâm tánh, hồi tâm hướng thiện, cải ác làm lành; lại còn phải tinh tiến dũng mãnh, phát tâm bồ đề, lập chí tu hành, thành tựu đạo quả, đây chính là một cách thức tốt.

Chúng ta còn phải rộng độ chúng sanh, độ mình độ người, giác mình giác người, lợi mình lợi người, nếu có ai chưa là



khổ được vui thì là chúng ta chưa làm hết trách nhiệm của mình; mọi người cùng nhau liễu thoát sanh tử, lìa khổ được vui, đồng đến bờ giác, cùng chư thượng thiện nhân vui hợp một chỗ, Bồ tát bất thoái luôn làm bạn của chúng ta. Sở dĩ tôi viết ra “Thủy Kính Hồi Thiên Lục” chính là vì muốn làm được việc này; cho nên ai có thể nghiêm trì năm giới, người đó chính là chiến sĩ của “Thủy Kính Hồi Thiên Lục”.

Nhưng mà việc này nói ra thì dễ, làm lại rất khó. Vì sao vậy? Vì tánh thức của chúng sanh ở thế giới Ta bà vô định, khó điều phục, muốn họ làm lành, cho dù đã nhiều lần ân cần dạy dỗ, tận tâm chỉ bảo, vẫn rất khó làm cho họ tuân thủ làm theo. Nhưng vừa gặp phải ác duyên, ví dụ như đánh bạc, hút thuốc phiện, hoặc khiêu vũ, xem phim thì họ luôn khởi tâm muốn làm theo; những việc này không cần phải dạy, họ cũng tự biết rõ, cũng có thể nói là không thầy dạy nhưng tự biết. Trong biển nghiệp mênh mông, thực ra biết quay đầu trở lại rất ít! Cho nên việc muốn vẫn hồi lại ý trời cũng giống như trăng trong nước, có bóng nhưng không hình; giống như hoa trong gương, cũng có bóng mà không có hình, không có cơ sở.

Tuy nhiên, cái hy vọng chúng ta muốn vẫn hồi lại ý trời, không phải là trăng trong nước, hoa trong gương; nhưng muốn vẫn hồi lại ý trời cũng giống như trăng trong nước, hoa trong gương, không có căn cứ, không có thành tựu, căn bản là có bóng nhưng không có hình, chỉ có thể thấy mà không thể với tới, chỉ có thể xem mà không thể lấy được; nhưng cho dù là việc không thể làm được, tôi cũng muốn làm, đây chính là cái được gọi là “hy vọng trong cái không thể hy vọng, thành tựu trong cái không thể thành tựu”, cho nên tôi mới đặt tên bộ sách này là “Thủy Kính Hồi Thiên”, có nghĩa là việc tôi muốn làm thật không dễ thực hiện.

---o0o---

**LỜI TỰ SỰ**

*Ban Biên Tập Thủy Kính Hồi Thiên Lục*

Vào năm 1968, có 20 mươi thanh niên người Tây phương đến căn nhà nhỏ đơn sơ ở lầu bốn là Chùa Thiên Hậu thuộc khu người Hoa ở thành phố San Francisco, họ ngồi xung quanh chiếc bàn cũ kỹ. Căn phòng tuy chật hẹp, nhưng tâm của họ chẳng hẹp tí nào, một vị pháp sư người Trung Hoa đang chỉ vào những chữ Hán trên tấm bảng đen, hướng dẫn cho họ đọc từng chữ từng câu: “Nhân sinh ngũ thập, nhi năng giác tứ thập cứu tuế chi phi giả, tức bất thất vi cái quá thiên thiện chi quân tử dã...” (Người tuổi 50, như có thể biết những sai lầm của mình lúc 49 tuổi, tức không đánh mất đi bản chất sửa ác làm lành của người quân tử ...) Vị pháp sư hướng dẫn họ đọc đi đọc lại nhiều lần, mỗi lần lặp lại là một lần gột sạch tâm tánh, làm cho tâm linh của họ được mở mang sung mãn.

Sau khi lặp lại vài lần, Pháp sư bắt đầu dùng tiếng Bạch Thoại giảng giải những câu văn viết theo lối nửa kim nửa cổ, những thanh niên Tây phương này tuy không hoàn toàn hiểu hết, nhưng do trong lời giảng của pháp sư đã thể hiện được lực từ bi và trí tuệ đã thu hút họ chăm chú lắng nghe một cách sâu sắc. Sau đó thì có người phiên dịch lại những lời giảng giải của pháp sư...

Phản trước Hòa thượng Tuyên Hóa đã nói sơ lược về nội dung của “Thủy Kính Hồi Thiên Lục” trong thời kỳ đầu tại Giảng Đường Phật Học thuộc thành phố San Francisco, lúc đó người đến nghe đa số là những đệ tử người Tây phương, họ không hiểu tiếng Trung Hoa nhiều cho nên tất cả đều nhờ Hòa Thượng dạy cho. Sau này giảng đường Phật giáo dời đến chùa Kim Sơn cũ, trải qua mấy năm được Hòa Thượng khổ công đào luyện, các đệ tử dần dần đi vào nề nếp, khả năng tiếng Hoa cũng tiến bộ hơn, và Hòa Thượng cũng có thêm không ít những đệ tử người Đông phương. Lớp học này vẫn tiếp tục duy trì, nhưng về phương cách thì có đổi khác—tuy vẫn do Hòa Thượng đích thân giảng về phần chánh văn, viết lên bảng, nhưng đầu tiên ngài cho các đệ tử thực tập diễn giảng, cuối cùng Hòa Thượng mới hướng dẫn mọi người đọc lại phần chánh văn và giải thích cho mọi người hiểu, đồng

thời sửa lại những chỗ các đệ tử giảng chưa thấu đạt. Cùng một bản văn, trải qua nhiều lần giảng giải thì những đạo lý về Phật pháp, nhân quả, những luân lý đạo đức, lịch sử văn hóa, văn từ ngôn ngữ tự nhiên thấm sâu vào tâm các đệ tử, thậm chí bồi dưỡng được những nhân phẩm đạo đức như tánh kiên nhẫn, lòng bao dung lẫn nhau, tiếp nhận được những cái tốt xấu hay khiếm khuyết của người khác v.v.. ; đây là phương pháp thù thắng nhiệm màu mà Hòa Thượng đã khổ công đào luyện từng chút một cho hàng hậu học, bồi dưỡng nên những nhân tài hoằng pháp.

Tinh thần của Hòa Thượng là nắm vững tay chèo không cho nghiêng ngả, ngay cả bút pháp Xuân Thu cũng đều mượn sự hay dở của người xưa để làm gương soi cho hàng hậu học, Hòa Thượng vì muốn cứu vãn cơn sóng lớn đã lan xa, nên mới giảng nói Thủy Kính Hồi Thiên Lục, tổng cộng qua hơn 20 năm, có gần khoảng 280 bài. Mấy năm gần đây, do trở ngại về nhân lực nên chỉ mới xuất bản được phần chánh văn, còn phần giảng giải bằng tiếng Bạch Thoại giống như ngọc ẩn lâu ngày, để không cô phụ bao tâm huyết Hòa Thượng đã bỏ ra nên chúng tôi phân Thủy Kính Hồi Thiên Lục ra làm mấy chương dưới đây, theo thứ tự sẽ sao chép những phần đã được chỉnh lý ra bằng, phối hợp thêm tranh vẽ minh họa, lần lượt cho xuất bản. Trong đó nếu có những công án liên quan đến lịch sử đương thời do các đệ tử luyện tập giảng, vì trở ngại về mặt thời gian nên Hòa Thượng chưa giảng lại được, chúng tôi sẽ dùng phương cách chú thích thêm vào phía sau bản văn để độc giả có thể gần gũi được nguyên tác của Hòa Thượng và có thể hiểu rõ được bối cảnh lịch sử, số chương được phân như dưới đây:

1. Chương Hạo Nhiên
2. Chương Thánh Chúng
3. Chương Pháp Sư
4. Chương Cư Sĩ
5. Chương Hiền Thánh
6. Chương Đế Vương
7. Chương Văn Sĩ

8. Chương Cổ Nhân

9. Chương Kim Nhân

Nay do biên tập “Chương Đế Vương” xong trước, nên sẽ xuất bản trước, đồng thời cầu nguyện hôm nay xuất bản quyển sách này có thể làm cho lòng người không xu phụ theo thói đời, đạo đức không theo văn tự sách vở ngày nát dần đi, ngõ hầu mang lại một phần chánh khí rộng lớn, mọi người đều hiểu rõ được nhân quả, đối ác làm lành, hình thành nên một thế giới đại đồng.

---o0o---

## CẢM NHẬN CỦA ĐỘC GIẢ

*Triều Sơn*

Thế giới ngày nay là một thế giới như thế nào? Hòa thượng Tuyên Hóa đã từng hình dung như thế này:

Toàn thế giới đều vì tiền mà không cần đến mạng sống, anh lừa gạt tôi, tôi lừa gạt anh. Tất cả các quốc gia trên thế giới đều thiếu vắng người thanh liêm, làm việc phục vụ cho nhân dân.

Trong tình trạng tâm tánh con người bị tiền tài, vật chất làm thiên lệch đến cao độ, Hòa thượng Tuyên Hóa đến khắp nơi hoằng pháp, đặt chân đến khắp Châu Á, Châu Âu và Bắc Mỹ. Có người so sánh sức hoằng pháp của Hòa Thượng với bom nguyên tử; nhưng Hòa Thượng lại cho rằng, dùng bom nguyên tử không thể khiến cho người ta tin phục, chỉ có dùng tám đức: hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ vốn là luân lý đạo đức truyền thống của Trung Quốc để giáo hóa con người, mới có thể cứu vãn được đạo đức ở đời và tâm tánh của con người. Vì trong xã hội kỳ dị muôn màu hiện nay có rất nhiều người không chỉ đánh mất Phật tánh của mình, mà ngay cả nhân tánh cũng không còn, biến cái nhân tánh vốn cao quý trở nên rất đỗi thấp hèn.

Vì không nở nhìn thấy cảnh đời loạn lạc, vận nước suy vong, lòng người hiểm ác, nên Hòa Thượng mới viết ra bộ Thủy

Kính Hồi Thiên Lục, giống như động cơ Khổng Tử trước tác bộ Xuân Thu. Hơn ba ngàn năm trước, Khổng Tử chu du Liệt quốc, muốn dùng chính trị làm chuẩn mực cho đời; nhưng ý chí trung thành kiên trinh kia khó mà thực hiện được, cho nên ông trở về quê hương nước Lỗ, chuyển sang làm công tác giáo dục theo đường hướng mình vạch ra, đào tạo nhân tài lãnh đạo các nước. Khổng Tử được đời sau tôn kính gọi là “Chí thánh tiên sư”, “Vạn thế sư biểu” (Bậc Thầy đầu tiên trong hàng Thánh, bậc Thầy mô phạm cho vạn đời sau). Khổng Tử luôn tự hạ mình rằng chỉ truyền lại đạo lý của người xưa chứ không tự ý làm ra cái mới, nhưng nhìn thấy cảnh đời loạn lạc vận nước suy vong, đau lòng không dứt, nên mới mạo muội cầm lấy bút sử viết ra bộ Xuân Thu, ca ngợi người trung vạch trần kẻ nịnh, thưởng kẻ làm lành phạt người làm ác, khiến cho bọn loạn thần tặc tử sợ hãi, không còn chỗ dung thân trong trời đất.

Khổng Tử viết bộ Xuân Thu, văn phong nghiêm túc đường hoàng giống như các quan trong ban sử, cho dù dạo chơi mùa hè cũng không thêm thắt một lời; thể hiện tinh thần rất mực yêu nước thương dân, đong đầy nguyện lớn cứu đời mà người bình thường không dễ gì nhận ra được. Nên không có gì lạ khi Khổng Tử tự than rằng: “Người hiểu ta, chỉ có đọc qua Xuân Thu; người trách ta, cũng chỉ thông qua Xuân Thu!”

Chí khí và kiến thức của Khổng Tử rộng lớn uyên thâm; Hòa Thượng chúng ta lại càng tâm đồng hư không, lượng cùng pháp giới, không có tâm yêu riêng một thời, một nơi, một nhà, một nước nào, mà là trải lòng từ bi rộng khắp không phân biệt. Hòa Thượng trước tác Thủy Kính Hồi Thiên Lục, những nhân vật được giới thiệu đánh giá trong đây bao gồm tất cả các loại chúng sanh có trong lịch sử hoặc ngoài lịch sử từ xưa đến nay như bậc thánh thiện kẻ gian ác, bậc thượng lưu trí thức kẻ hạ lưu ngu muội, nam nữ già trẻ, phạm thánh đần xen, rỗng rần hỗn tạp v.v... Từ sự thưởng phạt rõ ràng, thiện ác phân minh, độc giả các nước có thể từ đây suy gẫm học tập theo người hiền, thấy kẻ bất chính liền trở về phản

tĩnh lại chính mình. Thủy Kính Hồi Thiên Lục có thể chính là nguồn mạch tâm truyền của sử bút Xuân Thu, ra đời vì liên quan đến sự tồn vong của thế giới. Lời tựa của Thủy Kính Hồi Thiên Lục, vừa mở đầu đã điểm rõ chủ đề chính:

靜觀三千大千世界，惡業瀰漫。國與國殺，造成世界戰爭；家與家殺，造成鄉里戰爭；人與人殺，造成彼此戰爭；自與自殺，造成心性戰爭。乃至空與空殺，水與水殺，造成有形無形等等戰爭。悲乎！痛哉！

Thanh tịnh tâm ý quán sát ba ngàn đại thiên thế giới, ác nghiệp đầy đầy. các nước giết hại lẫn nhau, tạo thành chiến tranh thế giới; nhà nhà giết hại lẫn nhau, tạo chiến tranh thôn làng; người người giết hại lẫn nhau, tạo thành chiến tranh giữa con người; tự mình xâu sát chính mình, tạo nên chiến tranh nội tâm. Cho đến hư không hủy diệt hư không; nước hủy diệt nước, tạo nên chiến tranh hữu hình và vô hình. Thật thảm thương thay! Thật thống khổ thay!

Trong đời ác năm trược, ác nghiệp đầy đầy như thế, Hòa Thượng “xây dựng giá trị tính mạng của con người trên quan điểm tôn trọng tất cả mạng sống, lấy việc riêng làm việc chung, giữ gìn tịnh giới, cống hiến bản thân làm lợi ích cho chúng sanh”. Tuy chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng nhưng Hòa Thượng vẫn đối xử bình đẳng, Ngài nói: “Tôi đối với người tốt hay người xấu cũng đều giống nhau, tuyệt đối không có sự phân biệt; mong rằng người xấu nhìn thấy tôi cũng đều sửa đổi, làm mới lại chính mình quay về nẻo thiện. Mục tiêu của chúng ta là chuyển đổi những tập quán xấu, thương yêu bảo vệ con người, kính già yêu trẻ. Khiến cho đạo đức con người ngày một sâu dày, tạo thành một thế giới đại đồng”. Đây chính là xã hội lý tưởng của Hòa thượng Tuyên Hóa.

Lý tưởng như thế không dễ đạt được tí nào, giống như trăng trong nước, hoa trong gương, có thể trông mà không thể với tới. Nhưng từ nhiều năm trở lại đây Hòa Thượng Tuyên Hóa luôn tận tâm làm việc, âm thầm nỗ lực, cố gắng dùng “lòng

từ bi rộng lớn phổ độ, đổ ra biết bao tâm huyết, không hề mệt mỏi” để làm nên hy vọng trong cái không có hy vọng, thành tựu cái không thể thành tựu. Tinh thần này thể hiện ngay việc Khổng Tử viết ra bộ Xuân Thu và Hòa Thượng Tuyên Hóa sáng tác Thủy Kính Hồi Thiên Lục. Việc làm này hàm chứa cả một tấm lòng trung trinh ái quốc, cứu dân độ thế, làm cho chánh khí tràn đầy trong trời đất, thực hành hạnh nguyện “biết không thể mà vẫn cứ làm”. Hy vọng người học đời sau có thể tiếp nối chí nguyện ghi lại những điều tâm huyết; vì muốn thực hiện một thế giới đại đồng, một tịnh độ an vui mà cúc cung tận tụy, truyền lại mãi muôn đời. Được như vậy thì tuy nói không thể hy vọng mà vẫn có hy vọng; không có khả năng thành tựu mà vẫn có thể thành tựu.

---o0o---

## **A DỤC VƯƠNG (268-226 TRƯỚC CN) VỊ ĐẠI HỘ PHÁP CỦA PHẬT GIÁO**

A Dục, dịch là “Vô Ưu”, người nước Đông Thiên Trúc, sinh vào khoảng hơn hai trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt, là vua đời thứ ba của vương triều Khổng Tước (năm 268 trước Công Nguyên). Dung mạo xấu xí, tánh tình cang cường, ông không được vua cha tín nhiệm tuy rất có tài thao lược, có công dẹp loạn. Sau khi vua cha băng hà, quần thần suy tôn ông lên làm vua. Vua A Dục tạo địa ngục ở nhân gian, khống chế nhân dân. Về sau, được Hải Tỳ kheo cảm hóa, vua hết lòng kính tin Phật giáo, cấm sát sanh, thực hành hạnh bố thí, xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp ở khắp thế giới để cúng dường xá lợi Phật. Lại lập trụ đá khắc bia ở các nơi, khuyến cáo dân chúng “không được can thiệp tín ngưỡng của kẻ khác.” Vua còn phái cao tăng đến các nước lân bang hoằng pháp, xây chùa, cúng tăng. Lúc đó ngoại đạo trà trộn, làm tặc trú Tỳ kheo, sửa đổi Tam Tạng, không trọng giới luật, cho nên vua cử hành cuộc kết tập lần thứ ba,

viết bằng văn tự Pali trên lá bối, làm kinh tạng của Nam Truyền Tiểu Thừa.

Người em là Tỳ Kheo Đế Tu cũng đến nước Sư Tử để hoằng dương Chánh Pháp.

Vua A Dục có xu hướng thiên về Đại chúng Bộ, bài xích Thượng Tọa Bộ, do đó, Phật Giáo nguyên thủy bị phân chia thành các tông phái.

Khen rằng:

Phật dạy người ác,  
Ăn năn sửa đổi ,  
Vua tên A Dục,  
Giết hết lục thân.  
Gặp Tỳ kheo Hải,  
Hiểu thấu nhân quả ,  
Sám hối tội xưa,  
Cúng dường Từ Tôn.

Lại nói kệ rằng:

Ác vương hối lỗi, giúp thánh tăng,  
Cung kính Tam Bảo, dứt tham tranh ,  
Khắp cõi Diêm Phù xây tháp báu ,  
Thành Hoa Tử kết tập kinh tạng .  
Xiển dương Chánh Pháp, độ lân bang,  
Dựng đại bảo tràng độ oán thân,  
Xá-lợi Như Lai truyền hậu thế,  
Tặng phước bồi huệ -lên bờ giác.

### **PHẦN GIẢI THÍCH**

“A Dục Vương” dịch sang tiếng Trung Hoa là “vua Vô Ưu,” bởi vì ông ta không có tâm sợ hãi, cho nên lòng cũng không có ưu sầu phiền muộn. Ông sinh vào sau thời Đức Phật nhập diệt khoảng hơn 200 năm, là người miền Đông của Ấn Độ (đương thời, nước Ấn Độ được chia thành năm vùng - Đông Thiên Trúc, Tây Thiên Trúc, Nam Thiên Trúc, Bắc Thiên Trúc, và Trung Thiên Trúc); và là vị vua đời thứ ba của vương triều Khổng Tước. Vua A Dục có tướng mạo rất kỳ dị,



ví dụ như mũi thì ngửa lên trời, miệng lại chỉ xuống đất... cho nên ai nhìn thấy cũng không có cảm tình; đã vậy, tính tình lại ngang ngạnh và cố chấp, do đó không được vua cha tín nhiệm cho lắm.

Tuy nhiên, mặc dù tướng mạo xấu xí nhưng ông lại là một người đầy mưu sâu kế diệu, ý chí cao ngất trời xanh, muốn đem tài thao lược hùng binh của mình ra thống nhất nước Ấn Độ. Trong những trận chiến đương thời, ông đều tỏ ra vô địch, chưa bao giờ thất trận. Bởi thắng trận thì có công với quốc gia, ông trở nên có tiếng tăm và thế lực. Do đó, sau khi vua cha băng hà, bá quan văn võ đã ủng hộ và suy tôn ông lên kế thừa vương vị.

Thế nhưng, một khi đã lên làm vua, nắm được quyền lực trong tay rồi, thì ông lại thi hành một chính sách tàn nhẫn, hà khắc. Vua A Dục đã làm gì? Ông đã thực hiện chính sách cai trị vô cùng tàn bạo, biến cõi trần gian thành chốn địa ngục để khống chế người dân. Việc làm này cũng không khác gì cách thống trị tàn bạo, dã man của bạo chúa Tần Thủy Hoàng (của Trung Hoa)—kẻ nào chê bai thì bị xử tử, có người dám nói chuyện riêng, đàm luận về Kinh Thi, Kinh Thư với nhau thì cả hai đều bị đem giết giữa chợ để răn dân chúng. Bá tánh không thể phản kháng; nếu có người nào phản kháng thì chắc chắn sẽ bị giết ngay

Tuy vậy, sau khi gặp Tỳ Kheo Hải và được vị Tỳ Kheo này cảm hoá,<sup>2</sup> nhà vua đã hết lòng tin tưởng đạo Phật. Sau khi tin Phật, vua liền sửa đổi hành vi—trước kia đã từng tạo ra cảnh địa ngục ở chốn nhân gian, giết người vô số, thì nay vua lại bảo mọi người chớ nên sát hại sanh mạng; vì sao lại như vậy? Đó là vì vua đã hiểu được luật nhân quả! Vua lại thường làm bố thí, giúp đỡ tha nhân; và còn kiến tạo tám vạn bốn ngàn ngôi tháp thờ xá-lợi Phật ở khắp nơi trên thế giới để cúng dường xá lợi của Đức Phật. (Làm thế nào có được xá-lợi? Nếu một người trong tâm hoàn toàn không còn ý dâm dục, không có hành vi dâm dục, chân chính tu hành, thì sẽ có xá lợi.)

Vua A Dục lại cho dựng rất nhiều trụ đá ở khắp các nơi, trên mỗi trụ đá đều có khắc mệnh lệnh của hoàng đế, thông báo với toàn dân rằng ai nấy không được can thiệp vào tín ngưỡng của những người lân cận, mọi người đều có quyền tự do về tín ngưỡng tôn giáo, không ai được phép can thiệp hoặc phản đối về việc tin theo tôn giáo nào của kẻ khác.

Vua A Dục còn phái những bậc cao tăng đến các nước lân bang để hoằng dương Phật Pháp; lại cho xây cất rất nhiều tự viện để cúng dường chư tăng. Lúc này, lợi dụng việc vua A Dục xây chùa, cúng tăng, khuyến khích mọi người xuất gia tu hành, bọn ngoại đạo đã len lỏi vào trong Phật Giáo, làm “tặc trú Tỳ Kheo”- họ muốn vào trong Phật Giáo để huỷ báng Phật Giáo. Hiện nay có rất nhiều “tặc trú Tỳ Kheo”- những kẻ mặc pháp phục của người xuất gia, giả làm Tỳ Kheo, ăn cơm của Phật Giáo, trà trộn vào trong Tăng Đoàn để làm bại hoại giới luật của Phật Giáo, đều gọi là “tặc trú Tỳ Kheo.” Họ sửa đổi kinh điển của Tam Tạng, cũng không tuân thủ giới luật, không vâng theo lời dạy của Đức Phật. Chính vì những hành động đó của bọn ngoại đạo nên mới dẫn đến việc vua A Dục đứng ra khởi xướng việc kết tập kinh tạng lần thứ ba—chép bằng văn tự Pali (Pali là tên một hòn đảo thuộc Ấn Độ) trên lá bối, và đây chính là kinh tạng của Phật Giáo Nam Truyền Tiểu Thừa.

Về sau, em trai của vua A Dục là Tỳ Kheo Đế Tu đến nước Sư Tử để hoằng dương Chánh Pháp. Bởi vua A Dục có khuynh hướng thiên về Đại Chúng Bộ, nên đã bài xích Thượng Tọa Bộ; và Phật Giáo nguyên thủy vì thế mà phân chia thành Đại Chúng Bộ và Thượng Tọa Bộ, mỗi bên đều lập môn phái riêng, đều cho rằng mình là đúng.

Khen rằng:

Phật dạy người ác,  
Ăn năn sửa đổi  
Vua tên A Dục,  
Giết hết lục thân  
Gặp Tỳ kheo Hải,

Hiếu thấu nhân quả  
Sám hối tội xưa,  
Cúng dường Từ Tôn.

Phật dạy người ác, Ăn năn sửa đổi (Phật giáo ác nhân, cải quá tự tân): Đức Phật khi giáo hoá kẻ ác thì đều dạy họ tự sửa đổi những hành vi sai lầm của mình để thành con người mới lương thiện. “Ác nhân” ở đây không phải chỉ nói riêng một mình vua A Dục, mà là bao gồm toàn bộ những người độc ác–tất cả đều nên sửa đổi hành vi từ ác thành thiện.

Vua tên A Dục, giết hết lục thân (Danh A Dục Vương, sát tận lục thân): Trước đây, có một vị hoàng đế tên là A Dục; ông ta đã giết chết hết chín mươi chín (99) trong số một trăm người em của mình, chỉ còn sót lại một người duy nhất, và sau đó đã ép buộc người này xuất gia.

Gặp Tỳ kheo Hải, hiếu thấu nhân quả (Ngộ Hải Tỳ kheo, thức quả đạt nhân): Về sau, ông ta gặp được Tỳ Kheo Hải, nên hiểu rõ luật nhân quả là giết người thì phải đền mạng, thiếu nợ thì phải hoàn trả–nhân quả rõ ràng, không hề sai lệch.

Sám hối tội xưa, cúng dường Từ Tôn (Sám hối tiền khiên, cúng dường Từ Tôn): Cho nên ông ta sám hối những lỗi lầm trót đã tạo từ trước, và luôn cúng dường Tam Bảo–Phật, Pháp, Tăng.

Lại nói kệ rằng:

Ác vương hối lỗi, giúp thánh tăng,  
Cung kính Tam Bảo, dứt tham tranh ,  
Khấp cỡi Diêm Phù xây tháp báu,  
Thành Hoa Tử kết tập kinh tạng.  
Xiển dương Chánh Pháp, độ lân bang,  
Dựng đại bảo tràng độ oán thân,  
Xá-lợi Như Lai luyên hậu thế,  
Tăng phước bồi huệ lên bờ giác.

Ác vương hối lỗi, giúp thánh tăng (Ác vương hối quá hộ thánh tăng): Vua A Dục ban đầu là một người rất hung ác, thậm chí còn tạo ra cảnh địa ngục ở trần gian; khiến mọi

người cứ ngỡ ông ta là vua Diêm La chuyển kiếp. Thế nhưng về sau, ông ta đã ăn năn hối hận về những lỗi lầm mình đã phạm, và trở thành vị hộ pháp đặc lực trong Phật Giáo.

Cung kính Tam Bảo, dứt tham tranh (Cung kính Tam Bảo, tức tham tranh): Ông ta không những đã hết lòng cung kính Tam Bảo mà còn diệt trừ được tâm tham lam, tranh đoạt của mình.

Khắp cõi Diêm Phù xây tháp báu (Hưng kiến bảo tháp Diêm Phù Đề): “Diêm Phù Đề” ngụ ý là “kham nhẫn,” tức là chỉ cho thế giới Ta Bà mà chúng ta đang sống vậy. Cõi Ta Bà được gọi là cõi “kham nhẫn”, là vì chúng sanh trong cõi này phải nhẫn chịu biết bao sự thống khổ của cảnh đời ngũ trược ác thế.

Thành Hoa Tử kết tập kinh tạng (Trùng kết kinh tạng Hoa Tử Thành): Tại thành Hoa Tử, vua A Dục tổ chức cuộc kết tập kinh điển lại lần nữa.

Xiển dương Chánh Pháp, độ lân bang (Xiển dương Chánh Pháp, hóa lân quốc): Nhà vua hoằng dương Chánh Pháp, giáo hoá dân chúng của các nước láng giềng

Dụng đại bảo tràng độ oán thân (Thụ đại bảo tràng độ oán thân): Cho dù kẻ oán hận, kẻ thù nghịch hay người thân thích, ông ta đều hóa độ, cứu giúp như nhau, không hề phân biệt.

Xá-lợi Như Lai truyền hậu thế (Như Lai xá lợi truyền hậu thế): Ông có công xây tháp để bảo tồn xá lợi của Đức Phật hầu lưu truyền lại cho đời sau, cho nên chúng ta hiện nay mới biết được là có xá lợi của Phật.

Tăng phước bồi huệ -lên bờ giác (Tăng phước bồi huệ bỉ ngạn đặng): Chúng ta nên lễ bái xá lợi của Đức Phật nhiều hơn để có thể tăng trưởng phước lành và vun bồi trí huệ; khi phước huệ viên mãn thì sẽ được “đáo bỉ ngạn”-qua khỏi bể khổ, lên bờ giải thoát.

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng vào ngày 16-01-1987

---o0o---

## HÔN QUÂN CUỐI ĐỜI NHÀ HẠ HẠ KIỆT VƯƠNG

*(1818-1766 trước Công Nguyên)*

Vua Kiệt họ Tụ tên Quý, là một đại hôn quân cuối đời nhà Hạ, vóc người cao lớn, giỏi võ khỏe mạnh, nhưng lại đam mê tửu sắc, sủng ái Muội Hỷ, bỏ phế việc triều chính. Vì làm vui lòng Muội Hỷ, Kiệt đã cho xây Dao Đài bằng bảy báu, vàng ngọc lấp lánh, trên cây treo thịt khô, dưới đất đào ao rượu, mỹ nữ chơi đùa trong đó, ngưỡng lên có thể ăn thịt, cúi xuống có thể uống rượu, ngày đêm đắm chìm trong tửu sắc. Trung thần khuyên can rằng: “Háo sắc là gốc mất nước”. Vua Kiệt nói :“Trẫm nghe trong hàng thứ dân, người nam thì có bốn phận, người nữ có chỗ trở về, ăn no mặc ấm, ra vào cùng xe, phu phụ theo nhau. Trẫm làm vua của một nước, cùng với Muội Hỷ vui chơi, có gì là háo sắc?” Rồi tự cho mình giống như vàng mặt trời. Cho nên dân gian có câu : “Thời nhật hạt tang, dư cập nhữ hài vong” (Mặt trời kia lúc nào mất, ta sẽ chết theo người). Về sau bị Thành Thang tiêu diệt lưu đày về Nam Sào, tự thiêu mà chết.

Lời bình:

Quốc gia sắp thịnh,  
Ắt có điềm lành.  
Vận nước sắp hết,  
Yêu nghiệt tung hoành.  
Kiệt sủng Muội Hỷ,  
Bỏ việc triều Đình,  
Hoang dâm vô độ,  
Dẫn đến diệt vong.

Lại nói kệ rằng:

Hôn quân mất nước Hạ Kiệt Vương,  
Lưu luyến quên về say cảnh mộng,  
Tuy có sức mạnh khó thi thố,  
Lại không trí huệ trị triều cương,  
Rừng thịt rượu ao mãi vui chơi,

Đài ngọc múa ca quên ngày tháng,  
Làm con nối nghiệp nhà họ Vũ,  
Đến đây giang sơn chốc tiêu vong.

Giảng theo văn Bạch Thoại:

Hôm nay nói về vị hôn quân đầu tiên ở Trung Hoa. Sao gọi là hôn quân? Vua Kiệt được ở địa vị thiên tử cao quý, lẽ ra có giang san rộng lớn, có tông miếu để cúng tế, có con cháu để nối nghiệp. Thế nhưng hôn quân này tuy có giang san nhưng không làm cho giang san giàu mạnh; tuy ở địa vị thiên tử tôn quý cũng không xứng là một thiên tử, tông miếu thì không được cúng tế, con cháu cũng không có để nối nghiệp. Vì sao? Bởi rằng vua Kiệt ngu muội, không hiểu được về thiên hạ là “Người có đức mới giữ được, người thiếu đức khó mà giữ được” – Kẻ có đức thì được trời phò trợ, được người thuận theo; kẻ thiếu đức thì trời không phò trợ, người chẳng thuận theo, chỉ để giang san mất đi.

Hạ Kiệt Vương, họ Tự, tên Quý. Chữ quý này là chữ Quý trong “Nhâm Quý Thủy” (壬癸水), lấy đi chữ “thiên” (天) phía dưới của chữ quý, thay thế chữ “thị” (示) vào, chính là chữ “tế” (祭). Với cái tên này không tốt lắm, nếu theo Nhâm Quý Thủy mà bàn, Nhâm Thủy là dương thủy, Quý Thủy là âm thủy. Cho nên Kiệt tuy giỏi võ mạnh khỏe, nhưng không có học vấn gì, thân thể rất cao to, giống con trâu đàn độn; trâu thì hung hăng mạnh khỏe, thân thể cũng rất to, nhưng mà rất đàn độn.

Lúc Kiệt làm hoàng đế, lơ là quốc gia đại sự, chỉ biết ăn chơi hoan lạc, ra sức hưởng thụ mà chẳng quan tâm đến việc triều chính, hoang dân vô độ, lại còn chiều chuộng Muội Hỷ quá mức. Cho nên nói người nữ là đầu mối gây ra tai họa, làm nghiêng thành mất nước. Không chỉ người nữ là đầu mối gây ra tai họa, người nam cũng là đầu mối gây ra tai họa; nếu chỉ nói người nữ là đầu mối gây ra tai họa thì trong xã hội trọng nữ quyền thời nay người ta sẽ nói là không công bằng rồi, cho nên tôi nói người nam cũng là đầu mối gây ra tai họa. Mối họa này ở hai phương diện, người

nữ ở phương diện lộn xộn, giả như người nam không lộn xộn cũng không thể trở thành đầu mối gây ra tai họa, cũng đều là cả hai hợp lại, mới biết có những vấn đề này phát sanh. Người ta nói rằng Muội Hỷ tuy rất đẹp, nhưng suốt từ sáng đến tối trên gương mặt không hề có nụ cười, chỉ khi nghe tiếng xé lụa, mới lộ vẻ tươi cười; xé lụa chính là đem tơ lụa ra dùng tay xé, Muội Hỷ vừa nghe tiếng xé lụa thì liền vui vẻ; cho nên vua Hạ Kiệt liền hạ lệnh mỗi ngày chớ vô số vải lụa đến để xé cho Muội Hỷ nghe, để có được một nụ cười của Muội Hỷ.

Giảng đến đây, tôi lại nhớ đến một câu chuyện ở vùng Đông Bắc của tôi. Đây là một chuyện có thật, là một câu chuyện về hại người. Vùng Đông Bắc có trạm Đa Hoan, trạm Đa Hoan cách chỗ của tôi ở khoảng chừng mười tám dặm đường; ở đó có một người tên là Minh Ngũ. Tiền của Minh Ngũ có không biết là bao nhiêu, từ Bắc Kinh đến nhà Minh Ngũ hơn một ngàn năm trăm dặm đường, trước kia ông đi xe ngựa, không như bây giờ có xe hơi, xe buýt, xe lửa, máy bay, thì chẳng có gì đáng để nói. Từ Bắc Kinh đến nhà Minh Ngũ một ngàn năm trăm dặm đường, trên suốt quang đường đi Minh Ngũ không uống nước giếng của người khác, khắp nơi trên đường đều uống nước giếng của mình, dọc đường đều là đất của Minh Ngũ. Quý vị thử nghĩ như thế có bao nhiêu thôn trang, có bao nhiêu cái giếng? Số tiền ông có là bao nhiêu!

Ông ta nhờ vào đâu mà phát tài thế? Đông Bắc là vùng sản xuất nhân sâm, nhân sâm nặng bảy lượng gọi là sâm, tám lượng gọi là bảo, trên tám lượng chính là bảo rồi. Minh Ngũ cùng người anh em kết nghĩa cùng lên núi đi phóng sơn. Phóng sơn ở đây có nghĩa là cầm cây gậy tủa long, đầu trên cây gậy tủa long không biết có để phía trên bao nhiêu đồng tiền xanh, vừa nhìn thấy nhân sâm liền la to “Gậy đập!”. Nhân sâm liền kêu gậy đập, nếu như quý vị không la lên như thế, nhân sâm liền ẩn đi; quý vị la lên như vậy giống như niệm thần chú, khống chế thần thông biến hóa của nó, nó biến không được. Cho nên người đi phóng sơn đều hiểu, tay cầm cây gậy tủa long, vừa thấy nhân sâm, liền lấy gậy đập

mạnh xuống đất phát ra tiếng ròi la to “gậy đập”, mọi người đều hướng mắt nhìn đến chỗ đó, thì nhân sâm chạy không thoát. Người ta bảo rằng nếu quý vị không la lên như thế, thì nó sẽ bỏ chạy, quý vị sẽ không bắt được nó, đặt biệt là nhân sâm loại bảo (quý).

Minh Ngũ và người anh em kết nghĩa hai người đi phóng sơn, đi như thế đã được mấy năm. Có một lần, họ cùng đi phóng sơn, và lần này thì đào được đúng là nhân sâm loại bảo; bảy lượng gọi là sâm , tám lượng gọi là bảo, nhân sâm lần này e nặng hơn mười sáu lượng (một cân). Minh Ngũ vừa thấy được, liền nghĩ đây là loại rất đáng giá, nếu như ta chia cho người anh em kết nghĩa một phần, thế thì ta được không phải là ít đi sao? Thế rồi hai người cùng đi bộ về nhà, đi đến khe núi hiểm trở, Minh Ngũ liền đẩy tay xô người anh em kết nghĩa xuống khe núi làm thân xác nát tan. Do đó mà Minh Ngũ được của báu này, là dùng một mạng người đổi lấy, nhưng mạng người này không phải do tự nguyện, cho nên từ đó nảy sinh ra một luồng khí oán hận.

Cầm củ nhân sâm trong tay, Minh Ngũ muốn đi qua cửa thành Sơn Hải để dâng báu vật ấy cho vua; nhưng sợ nếu như đến cửa thành Sơn Hải, bị người ta đóng cửa kiểm tra, e rằng sẽ bị tịch thu, không thể đưa đến nơi Hoàng Đế được. Vì thế ông ta liền nghĩ ra một cách. Ông ta nghĩ ra cách gì đây? Minh Ngũ đã mua một cỗ quan tài, đem củ nhân sâm để trong quan tài, nói là đưa linh cửu xác cha của mình đi về. Lúc Đến cửa thành Sơn Hải, nơi đó kiểm tra cũng rất nghiêm ngặt, nên đã yêu cầu : “Dù là xác người chúng tôi cũng phải xem thử.” Minh Ngũ bấy giờ vô cùng kinh sợ, toàn thân run rẩy. Lính gác bật nắp quan tài ra, quý vị thử đoán xem sự tình sẽ như thế nào? Củ nhân sâm này quả nhiên đã biến thành một ông già râu bạc, nằm trong quan tài. Điều kỳ diệu chính là ở chỗ này! Bởi vì nó là báu vật mà, Minh Ngũ muốn nó thế nào, nó sẽ thành ra thế ấy. Nhờ vậy mà Minh Ngũ lần được vào trong thành.

Đến được hoàng cung, Minh Ngũ vào cung dâng báu vật lên hoàng đế, hoàng đế mới hỏi ông ta: “Vật quý báu này của



người muốn đổi lại bao nhiêu tiền?” Đây là vật quý vô giá, lúc đó Minh Ngũ cũng không biết phải nói giá tiền là bao nhiêu mới phải; thế là ông ta chẳng biết làm sao, liền nằm xuống đất, hoàng đế bèn nói: “Ồ, ý người là muốn một thảng à!” Vì thế vua cho mở kho, bạc trong kho liền tràn ra ngoài, số bạc tràn ra ngoài thuộc về Minh Ngũ, số còn lại bên trong kho là của vua. Cứ thảng một lần thế này thì biết bao nhiêu là tiền. Thế là Minh Ngũ liền đem số bạc này đi dọc đường mua đất hết; cho nên từ Bắc Kinh đến nhà ông ta, đất dọc đường đều là của Minh Ngũ, không có đất của người khác, mặc rẻ gì ông ta đều mua. Vì có nhiều tiền rồi nên được mọi người tôn xưng là Ông Minh Ngũ

Ông Minh Ngũ xây nhà, nhà của ông xây vào bên trong phải đi qua có đến năm dãy nhà; cách xây nhà của vùng Đông Bắc thời xưa đều có móng cột bằng đá để nâng các cột nhà. Quý vị thử đoán xem ông ta lấy gì làm móng cột? Chính là dùng bạc đấy, bạc Ông ta dùng tiền có giác ( cần ) ngọc, dùng từng miếng bạc, để làm tảng đá kê chân trụ nhà. Lại nói đến chuyện đục gạch, bên dưới mỗi viên gạch đều có bốn đồng tiền lớn, trước thời nhà Thanh tiền đồng rất có giá trị, nhưng gạch dùng để xây nhà cho Minh Ngũ thì được làm như thế. Điều này cho thấy ông ta là người rất mực giàu có. Đợi đến lúc nhà cửa sắp xây xong , thì vợ ông ta cũng có thai sắp sanh, Minh Ngũ chợt nhìn thấy người anh em kết nghĩa bị mình xô xuống khe núi từ cửa cổng bước vào. Tay đang cầm điếu xì gà lớn, vừa nhìn thấy người anh em kết nghĩa đến, lần này Minh Ngũ biết là chuyện xấu rồi, liền bước ra đón, nhưng vừa đi đến sân nhìn, thì không thấy nữa!

Kết quả như thế nào đây? Trong nhà vợ ông liền sanh con trai, người trong nhà đến báo: “Ông ơi đại hỷ rồi! Phu nhân đã sanh được một thiếu gia.” Minh Ngũ liền biết rằng: “Ồ ! Là đến đòi nợ đây rồi !” Minh Ngũ biết đây là người anh em kết nghĩa đã đến đầu thai, nhưng cũng không có cách gì, cũng không thể đem nó giết chết, liền nuôi dưỡng nó. Đứa bé này vừa sinh ra thì đã khóc, khóc không nín, chỉ thích nghe

gì quý vị biết không? Nó chỉ muốn nghe tiếng đồ đạc bị đập vỡ, ví như cái chén vừa rớt xuống một tiếng lảng rảng vỡ tan, nó liền ha hả cười, không khóc nữa. Bất cứ món đồ nào vỡ thì nó cười, không vỡ thì nó khóc, từ lúc chào đời cho đến mãi về sau này đều là như vậy, giống như Muội Hỷ thích nghe tiếng xé vải. Đây đều là có nhân quả nghiệp oán ở bên trong, cho nên mới như vậy! Muội Hỷ cũng là đến báo thù Hạ Kiệt Vương, Hạ Kiệt Vương cũng chấp nhận, và ngoan ngoãn trả nợ, cho nên mới như vậy.

Con trai của Minh Ngũ tên là gì quý vị biết không? Nó tên là Tam Thành, có ý là nói nó chỉ cần lấy lại ba phần trăm món nợ cũ là được rồi, về sau Tam Thành lớn lên thì đánh bạc, hút thuốc phiện. Đánh bạc phải có vật thế chấp, chỉ một lúc mà Tam Thành đã đặt hết mấy cái giếng; một giếng xem như là một thôn, mấy cái giếng chính là mấy thôn, đánh bạc kiểu như thế. Khi đánh hẵn cứ đứng đó lo hút thuốc phiện, cũng chẳng thèm nhìn; người ta mà nói: “Cậu Tam ơi! Thua rồi” hẵn trả lời: “Tốt quá ! Tốt quá!” Người ta mà bảo: “Tam gia ơi, lần này thì cậu thắng rồi nhé.” thì hẵn liền quát ngay “Mẹ nó, thắng rồi sao chứ!”. Cứ như thế này thì quý vị xem đây không phải là con phá nhà thì là gì nữa?

Do đây mà thấy được nhân quả báo ứng dù nhỏ như lông tơ cũng không sai sót, ai giúp ai, ai phá hoại ai, thì có nhất định. Cũng giống như một người chẳng nên trò trống gì như tôi đây, quý vị cùng đều đến giúp đỡ người chẳng nên trò trống này; lại có người còn thích nghe tôi nói chuyện. Thực ra, những gì tôi nói đều là nước lạnh hàm cải trắng, nhạt nhẽo không mùi vị, quý vị nào mà muốn nghe tôi nói chuyện, đều đã bị lừa rồi đó. Nhưng nói đi cũng phải nói lại, quý vị có thể nói đều là đến trả nợ tôi, đại khái trước đây tôi từng cho quý vị ăn đồ ngon, và từng nói: “Các bạn đừng kén ăn nhé.” Cho nên tôi nói pháp, dù cho nói hay nói dở, các bạn vẫn ngồi đây kiên nhẫn nghe. Hạ Kiệt Vương cũng vì thiếu nợ Muội Hỷ, cho nên vừa rồi cư sĩ Môn Lão chẳng phải nói: “Muội Hỷ là âm kim, Hạ Kiệt Vương là âm mộc, kim khắc mộc.” Quý vị xem, đã lâu như thế, sự tình đã mấy ngàn năm

trước, Muội Hỷ vẫn còn như thấy gan phổi của mình vậy, còn biết vua Kiệt là “kim nên khắc mộc, không thể giàu được”, cho nên làm đến thiên tử cũng nghèo. Đây chính vì Kiệt quá chiều chuộng Muội Hỷ, không lo triều chính. Để được Muội Hỷ vui lòng, đã xây Dao Đài bảy báu lấp lánh; rồi trên cây treo thịt khô, dưới đất đào ao rượu, để mỹ nữ vui đùa trong đó, như vậy thì đầu vừa ngẩng lên thì ăn thịt được, thân vừa cúi xuống lại uống rượu được, Hạ Kiệt sớm tối đắm chìm vào tử sắc, ngày ngày hoang dâm không biết tự chế, ở nơi đó mãi vui chơi như vậy.

Lúc bấy giờ cũng có trung thần can gián vua Kiệt rằng ham mê nơi tử sắc là hành vi hại thân mất nước; vua cũng rất thông minh, nói: “Ta nghe nói thường trong trăm họ, người nam thì có bốn phận của mình, người nữ có chỗ trở về của mình, mặc ấm ăn no, ra vào trên cùng cỗ xe, chồng vợ bên nhau. Ta chỉ là cùng Muội Hỷ âu yếm, cũng không phải là quá nhiều người nữ, đây có gì là hoang dâm? Uống tí rượu tính làm gì?” Hạ Kiệt ngụy biện như thế. Còn tự cho mình như vàng mặt trời, cho nên lúc đó mới có ca dao: “Lúc nào mặt trời này mới suy vong nhỉ? Bọn ta đều mong người cùng đến chỗ chết.

Kết quả nước mất về Thương Thang.

Thương Thang tên là Lý, ông đem việc thiên hạ làm trọng trách, nên giành lấy chủ quyền thay nhà Hạ. Thương Thang đày Vua Hạ Kiệt đi Nam Sào, kết quả là vua Kiệt đã tự thiêu chết ở đó. Cho nên đầu tiên nói Hạ Kiệt Vương và vị hòa thượng Việt Nam gần giống nhau, vị hòa thượng Việt Nam cũng là tự thiêu mà chết; nhưng kia là hòa thượng, còn vua Hạ Kiệt là hoàng đế, đem ra so sánh lẽ ra thân phận một hoàng đế phải quan trọng một chút. Vị hòa thượng Việt Nam đã chết, về sau đã phải khiến nhiều hòa thượng khác cũng theo đó tự thiêu mà chết, đây đại khái đều là cộng nghiệp chăng? Do cộng nghiệp nên chiêu cảm ra vậy!

**Lời bình**

Quốc gia sắp thịnh, ắt có điềm lành: Lúc quốc gia sắp hưng thịnh, sẽ có các tướng điềm lành. Điềm lành chính là may mắn thuận lợi, thí như cổ tú song hợp, phụng hoàng lai triều.

Vận nước sắp hết, yêu nghiệt tung hoành: Khi vận nước sắp mất, yêu nghiệt đều hiện ra, không yêu nghiệt này đến, thì cũng có yêu nghiệt kia hiện ra.

Kiệt sủng Muội Hỷ, không lo triều cương: Vua Hạ Kiệt sủng ái Muội Hỷ không lo đại sự quốc gia.

Hoang dâm vô đạo, dẫn đến diệt vong: Bởi vì hoang dâm không biết dừng, cho nên dẫn đến diệt vong, tự thiêu chết.

Lại nói kệ rằng

Hôn quân mất nước Hạ Kiệt hoàng, lưu luyến quên về say mê cảnh mộng: Dưới dòng không quay lại gọi là lưu, trên dòng không chảy gọi là liên; từ hưởng thụ không nhàm gọi là hoang, vui lâu không chán gọi là vong. Quên về chính là không biết đường trở về, mỗi ngày đều uống say sưa.

Tuy có sức mạnh khó thi thố, lại không trí huệ trị triều cương: Hạ Kiệt tuy cao to và có sức lực, cũng không có chỗ dùng cho sức lực ấy, lại không có trí huệ để xử lý kỷ cương triều đình, đại sự quốc gia.

Rừng thịt rượu ao mãi vui chơi, đài ngọc múa ca quên ngày tháng: Hạ Kiệt cho treo thịt khô trên cây, dưới đất thì cho đào ao rượu, dùng thất bảo xây đài ngọc, vàng ngọc rục rĩ, ở đó chỉ biết vui chơi, đã đến ngày nào, lúc nào, Hạ Kiệt đều quên.

Làm con nối nghiệp nhà họ Vũ, Đến đây giang sơn chốc bồng tiêu vong: Vua Vũ nhà Hạ truyền ngôi cho con tên Khải, vua Vũ là một minh quân, nhưng truyền đến đời vua Kiệt đến đây thì hết, đến đây Kiệt đã làm hỏng hết cả sự nghiệp đế vương. Đây phải nói là đưa con phá nhà, đem cả giang sơn mà hủy hoại hết.

***Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng ngày 18 tháng 9, năm 1987.***

---o0o---

## ĐƯỜNG THÁI TÔNG

Thời thịnh trị của niên đại Trinh Quán

(LÝ THẾ DÂN 236-249)

Vua họ Lý tên Thế Dân, con thứ của Đường Cao Tổ, là người thông minh tuần tú, văn võ kiêm thông. Sau khi lên ngôi, Đường Thái Tông đã thành công trong cả hai lĩnh vực giáo dục và quân sự, biết chọn người hiền và dùng người có tài năng, giỏi dụng binh. Về phía Quan văn thì có: Phòng Huyền Linh, Ngụy Trưng v.v...; phía quan võ thì có, Lý Tịnh, Lý Tịch v.v... Nhân tài quy tụ, khiến cho niên đại Trinh Quán cực thịnh một thời, đất nước được thống nhất, muôn dân đồng lòng tôn phò một vua. Khi Ngụy Trưng qua đời, Thái Tông đau lòng than rằng: “Như dùng đồng làm gương, để chỉnh sửa áo mũ; lấy việc xưa làm gương, để thấy được sự thịnh suy của cuộc đời; nhìn người làm gương để biết cái đúng cái sai của chính mình. Nay Ngụy Trưng mất đi, trầm như mất một tấm gương vậy”.

Khi Đại Sư Huyền Trang thỉnh kinh trở về, vua ban chiếu thỉnh ngài dịch Đạo Đức Kinh của Lão Tử sang tiếng Phạn, mở đầu cho việc truyền bá văn hoá Trung Hoa ra nước ngoài. Đại sư còn vâng chỉ dịch bộ kinh Đại Bát Nhã gồm sáu trăm quyển (từ tiếng Phạn ra tiếng Trung Hoa). Lúc nhà Đường hưng thịnh, Nhật Bản có phái các vị tăng như ngài Không Hải v.v... đến Trung Hoa lưu học, còn phái sứ giả mang lễ vật cống tặng, tất cả có đến mười tám lần.

Khen rằng:

Đường đại thánh quân

Trinh Quán chi thời

Thiên hạ quy tâm

Tứ hải cống chí

Văn lược võ công

Tướng tướng hiền sĩ

Thiện ư dụng nhưn  
Quốc gia đại trị.

Lại nói kệ rằng:

Uy chấn trung ngoại phục tứ di.  
Đức bị hà nhĩ vọng lai lai tề  
Ngụy Trưng trung liệt tá đế tòa.  
Tần Quỳnh anh dũng bảo sơn hà  
Huyền Linh văn công an xã tắc  
Nhân Quý võ huân hoá can qua  
Đại Đường thanh thế lưu phương viễn  
Truyền biến Nam Bắc dữ Đông Tây.  
Giảng giải bằng văn Bạch Thoại :

Đường Thái Tông là một vị hoàng đế anh minh nhất kể từ sau Triều Đại nhà Chu . Thái Tông có những đặc biệt gì để gọi là vua anh minh? Đường Thái Tông là người thông minh tài trí, biết mang lại hạnh phúc cho nhân dân, biết xây dựng những nền tảng vững chắc cho đất nước, chính vì vậy mà triều đại nhà Đường được xem là thời kì hưng thịnh nhất trong lịch sử Trung Hoa. Sở dĩ Đường Thái Tông có thể thống nhất được đất nước, lại làm cho đất nước thêm vững mạnh như thế, là do vua biết nghe lời can gián một cách chân thành, biết sai liền sửa, dám nhìn nhận sai sót của mình, mạnh dạn sửa đổi những gì chưa đúng, chính vì vậy Thái Tông được xem là một vị vua có đạo đức

Triều đại nhà Đường được thành lập sau nhà Tùy, do Dạng Đế nhà Tùy hoang dâm vô đạo, làm cho người dân Trung Hoa thời ấy rơi vào cảnh đói rách lầm than, không biết nương tựa vào ai, nên Lý Uyên đã đứng lên khởi nghĩa, nhằm đem lại thanh bình cho đất nước. Lúc bấy giờ còn nhiều phe nhóm khác nổi lên tranh giành quyền lực, thế nhưng chỉ có người tài đức mới làm chủ được thiên hạ, Đường Cao Tổ Lý Uyên đã xử trí tốt việc quốc gia, lại còn dẹp được các nhóm xưng hùng xưng bá khác

Đường Thái Tông họ Lý tên Thế Dân, là người con thứ của Đường Cao Tổ, từ nhỏ Thế Dân đã tỏ ra rất thông minh, tuấn

tú khỏe mạnh, ứng văn, đấu võ đều rất thông thạo, văn chương cũng rất uyên thâm. Sau khi lên ngôi, Thái Tông khéo biết dùng người, tùy theo sở trường của từng người mà giao trọng trách, tuyển chọn người hiền tài phục vụ việc nước; đối với các nước lân bang Thái Tông luôn dùng chính sách giao hòa. Phía quan văn có Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối<sup>3</sup> và Ngụy Trưng; tướng võ có Lý Tịnh<sup>4</sup>, Lý Tích<sup>5</sup> v.v..; chính nhờ Thái Tông biết dùng người tài đức, biết nghe lời can gián chân thành, quý trọng và đối đãi hết lòng với kẻ sĩ, do đó mà nhân tài qui tụ chính sách rõ ràng, thế lực đất nước thêm hùng mạnh. Sử sách gọi giai đoạn này là “Trinh Quán chi Trị” (Thời vàng son của niên đại Trinh Quán, hay sự thịnh trị của niên đại Trinh Quán).

Đặc biệt Ngụy Trưng, trông có vẻ rất bình thường, chẳng có gì hơn người, nhưng lòng ông vững như sắt, ý chí cứng như thép, không sợ đầu rơi, chỉ biết một lòng trung trinh với vua, vì dân vì nước, chẳng màng đến những vấn đề khác, cũng chính nhờ đức tính ấy mà Ngụy Trưng thường giúp vua làm công việc “phi lân”. “Phi lân” nghĩa là sao? Tức là nhờ vậy rỗng, có ý nói là lúc hoàng đế có những sai sót gì thì ông ta liền dùng lời ngay mà can gián, chỉ rõ những sai lầm của vua mà không hề sợ phải đắc tội, không hề sợ chết, đây mới đáng gọi là trung thần. Trung thần thì không sợ chết, nếu sợ chết thì không được gọi là trung thần. Nhờ có được cận thần trung trinh như vậy mà Đường Thái Tông mới có thể thành tựu được đại nghiệp, thành công ở hai mặt văn hóa và chính trị, cũng như thành công trong đường lối trị quốc an dân, nên vào triều đại nhà Đường, các nước lân bang đều biết đến nước Đại Đường, gọi Trung Hoa là “Thiên Triều”, gọi hoàng đế Trung Hoa là “Thiên Khả Hãn”.

Phòng Huyền Linh, Ngụy Trưng, Lý Tịnh và Lý Tích đều là những trung thần không hề sợ chết, một lòng trung trinh, nhờ đó mà họ đã cùng nhau xử lý tốt việc quốc gia; họ đều là những người vô tư, không tham ô, chỉ biết để tâm lo việc quốc gia đại sự. Nhạc Phi, một võ tướng của triều Tống từng nói:”Quan văn không tham tài, Tướng võ không sợ chết,

những con người như thế chắc chắn sẽ xử lý thành công việc quốc gia đại sự”. Liên quan đến Ngụy Trưng, có một câu chuyện về “Rồng trắng” (Tiểu Bạch Long) như thế này.

Mọi việc trong cuộc sống ở nhân gian chúng ta là do chính phủ quản lý, nhưng chính phủ ở nhân gian không thể quản lý được những chuyện cho mưa, làm gió, triều cường, hạn hán, lũ lụt; những việc này cũng đã có người cai quản cả, là do thần trên trời quản lý; đạo Cơ Đốc và đạo Thiên Chúa cho là do Chúa Trời quản lý, Chúa Trời ở đây cũng như Ngọc Hoàng Thượng Đế mà người Trung Hoa nói. Đúng như thế, lượng mưa xuống bao nhiêu, gió thổi nhiều hay ít đều có sự nhất định, và đều do Ngọc Hoàng Thượng Đế quyết định.

Có một lần, Ngọc Hoàng sai một thần rồng cho mưa xuống trần gian vừa đủ ba tấc ba nước thôi, thế nhưng có lẽ vì nghe nhầm mà thần rồng kia đã cho mưa xuống đến ba thước ba nước; (một thước Tàu tương đương 23,1cm). Một lần mưa mà nhiều nước đến như thế làm cho rất nhiều nhà cửa, cây trái bị ngập chết cả, rất nhiều người lâm vào cảnh đói khát, một số đã chết vì đói, trận mưa đó đã gián tiếp hại không biết bao nhiêu sinh mạng.

Vì rồng đã làm trái lệnh của Ngọc Hoàng đã cho mưa ngập lụt ở trần gian, nên đã bị Ngọc Hoàng xử tội chết. Nhưng để giết rồng trắng này không cần phải nhờ đến tay vị thần nào cả, cũng không cần quỷ hay loài rồng khác đi giết, thế thì sai ai đi giết đây? Ngọc Hoàng liền chọn ngay ông quan giám trảm, chính là quan Ngụy Trưng. Vì sao tướng mạo của Ngụy Trưng lại thô kệch xấu xí thế? Có thể là do Ngụy Trưng đã chuyển kiếp từ loài rồng, nên trông rất xấu, nhưng ông lại có cái uy thần của loài rồng, có sức mạnh của loài rồng. Trong triều, Ngụy Trưng làm giám sát ngự sử, trên trời ông cũng làm quan; tuy ông ta là một con người nhưng linh hồn ông vẫn có công việc trên thiên đình. Công việc ở thiên đình chỉ là nghĩa vụ chứ không vì bổng lộc nào, chúng ta tin rằng lúc bấy giờ ông làm quan cho triều đình cũng không vì mong cầu bổng lộc, bởi vì con người ông vốn như thế nên không hề



muru cầu làm quan để phát tài; sống đó, chết đó cũng là chuyện bình thường đối với ông.

Ở trên thiên đình Ngụy Trưng cũng có nhiệm vụ, cũng có chức vị; lần này thì Ngọc Hoàng sai Ngụy Trưng đi giết rồng trắng, vì tội làm mưa lũ trái ý trời. Nhưng rồng trắng cũng có chút pháp thuật, biết Ngọc Hoàng sai Ngụy Trưng đi chém đầu mình. Chừng như Ngụy Trưng cũng có kiếm chém rồng, một nhát có thể giết được loài rồng. Thế là rồng trắng đã đến cầu cứu Đường Thái Tông, bằng cách dùng thần thông báo mộng cầu xin vua cứu mạng. Thái Tông hỏi nó: “Tại sao ngươi bị người ta giết?”. Nó liền thuật lại đầu đuôi sự việc là Ngọc Hoàng sai nó chỉ làm mưa ba tấc ba nhưng nó đã mưa đến ba thước ba, nhiều hơn gấp mười lần, nên đã phạm phải luật trời, phải bị chém đầu. Thế thì người chém đầu rồng trắng là ai? Chính là ông quan giám sát ngự sử Ngụy Trưng, một đại thần trong triều của Đường Thái Tông. Rồng trắng nói: “Vào giờ đó, ngày đó, tháng đó ngài cứ ngồi đánh cờ với Ngụy Trưng, hai người ở bên nhau, ngài đừng để ông ấy đi đâu cả, như thế ông ấy sẽ không có thời gian đến xử tội, qua thời gian đó tôi sẽ không bị giết nữa”. Rồng trắng khẩn cầu Thái Tông dù thế nào cũng phải nhất định giữ lời. Thái Tông nói: “Việc này dễ thôi! Ta có thể vào ngày đó, giờ đó không rời xa Ngụy Trưng, ông ấy sẽ không thể giết ngươi được.”

Vào ngày hôm ấy, Thái Tông cho gọi Ngụy Trưng đến đánh cờ, vua nghĩ: “Đánh xong ván cờ này dù thắng hay thua thì ông cũng không còn thời gian đi giết rồng rồi!” Nhưng không ngờ đang lúc đánh cờ thì Ngụy Trưng ngủ thiếp từ lúc nào không hay, ông ngủ rất say sưa. Thái Tông nghĩ bụng: “Ô! Bây giờ thì ngươi đã ngủ say rồi, dù thế nào thì cũng không rời xa ta được, ta cũng sẽ không đánh thức ngươi dậy làm gì, ngươi cứ ở đây mà ngủ!” Ngủ được một lúc, khoảng một khắc hay nửa giờ sau thì Ngụy Trưng tỉnh lại, rồi tiếp tục đánh cờ với vua. Thái Tông không ngờ rằng, chính lúc Ngụy Trưng đang ngủ say đó là lúc thần hồn của ông ta đã đi chém đầu rồng trắng rồi.

Rồng trắng kia cũng có linh hồn, oan hồn của rồng chưa tan được nên tối hôm ấy đã đến tìm Thái Tông, rồng bảo: “Ông vua kia, ông hãy trả lại mạng sống cho tôi!” Thái Tông bèn nói: “Tại sao lại đòi ta trả mạng sống cho người? Hôm ấy ta đã giữ Ngụy Trưng cùng ở một chỗ với ta rồi, ta cũng chẳng rời ông ấy, ông ấy cũng chẳng rời ta, làm sao có thể đi giết người được?” “Ây da!” Rồng lại than: “Chính là lúc Ngụy Trưng đang ngủ, thần hồn của ông ấy đã đến giết tôi. Cũng vào những lúc như thế ông ta có thể lên thiên đình để làm việc.” “Thế thì làm sao ta biết được? Người không thể đòi mạng ta! Cái này chẳng thể trách ta, ta chẳng hề biết ông ấy có tài cán đó.” “Không được! Dù thế nào ông cũng phải trả lại mạng sống cho tôi!” Cứ như vậy, rồng trắng đêm đêm vào hoàng cung phá phách, đòi Thái Tông đền mạng.

Thái Tông rất rầu rĩ về chuyện này, chẳng biết tính sao, bèn chọn các đại thần trong triều thay nhau đến hộ giá, hết đại thần này đến đại thần kia, song vẫn không làm cho rồng trắng sợ hãi, nó vẫn cứ thường xuất hiện. Sau đó đến lượt Tàn Quỳnh<sup>6</sup> Úy Trì Kính Đức<sup>7</sup> đến hộ giá, hai vị đại tướng này vừa đến đã làm cho rồng trắng khiếp đảm bỏ chạy, bởi vì hai vị này là khắc tinh của rồng trắng. Từ đó về sau, mỗi tối hai vị tướng này đều đến hộ giá cho hoàng đế. Qua một thời gian lâu, Thái Tông thấy hai vị tướng này quá mệt nhọc, cũng thấy không đành lòng nên đã cho vẽ hình của hai vị tướng này lên cửa. Tối đến rồng trắng đến trước cửa, thấy hình dạng của hai vị đại tướng quân này oai vệ như thiên tướng nên đã không dám đến gần nữa. Do đây mà có việc dán hình thần giữ cửa trên cửa, nhà người dân đều có dán hình của Úy Trì và Tàn Thúc Bảo (Tàn Quỳnh), thỉnh hai vị này làm thần giữ cửa, cứ như thế lâu dần trở thành tập tục dân gian của người Trung Hoa. Đây rõ ràng là một truyền thuyết dân gian, nhưng trong đó đều có liên quan đến những sự kiện trên.

Lòng trung trinh đối với quốc gia của Ngụy Trưng bao la như trời đất, nên ông không những chỉ làm quan ở nhân gian mà còn làm quan ở thiên đình. Lúc Đường Thái Tông

còn tại vị, ngay cả thiên tướng cũng đến hộ giá, do vậy trong thời gian làm vua của Đường Thái Tông cả hai mặt văn hóa và chính trị đều được phát triển tốt đẹp như thế. Khi Ngụy Trưng qua đời, Đường Thái Tông đã phải tiếc thương mà cảm than rằng:

“Như người ta lấy đồng làm gương soi, để chỉnh sửa áo mũ; lấy việc xưa làm gương soi, mà biết được việc thịnh suy ở đời; lấy người làm gương soi để thấy cái đúng cái sai của chính mình. Ta thường giữ ba thứ gương soi này để phòng cái lỗi của chính mình. Nay Ngụy Trưng mất đi, một tấm gương theo đó mà vỡ tan rồi”.

Chính là nói: Nếu như dùng đồng làm gương soi, soi vào đó thì có thể thấy được áo quần mình đang mặc có ngay thẳng hay không. Lấy chuyện của lịch sử xưa nay, lấy người xưa làm tấm gương soi, thì có thể thấy được cái lý của chuyện hưng thịnh suy vong, thái bình loạn lạc, điều gì nên phát triển, điều gì nên thay đổi, đều có thể biết. Nếu như lấy một con người nào đó làm tấm gương soi, thì có thể thấy rõ những việc đúng sai của con người, điều gì nên làm, điều gì không nên làm; thấy những cái hay của người khác thì học hỏi từ họ, thấy những cái xấu của người khác thì trở lại nhắc nhở mình, tránh những sai sót tương tự. Ta thường giữ ba tấm gương soi này để phòng ngừa những sai sót của chính mình; giờ Ngụy Trưng đã mất, ta đã mất đi một tấm gương soi.

Vừa rồi vì sao tôi nhờ thầy giáo họ Châu giảng lại cho mọi người nghe chuyện “Đường Thái Tông đã nghe lời khuyên của hoàng hậu<sup>8</sup> như thế nào”, quý vị nghe rồi cảm thấy rất thú vị, thực ra đây là sự thật. Đường Thái Tông vốn dĩ có được niên đại Trinh Quán thái bình, chính là vì vua biết chân thành lắng nghe lời can gián, sửa sai theo đúng, biết sai liền sửa, mà không hề nghĩ đến sự tôn nghiêm của một vị hoàng đế. Quý vị xem qua bao triều đại, những hoàng đế biết nghe lời can gián đều là những vị vua sáng suốt; những hoàng đế không biết nghe lời can gián, không chịu nghe lời trung của quần thần đều là những ông vua tàn bạo. Nếu đất

nước có những vị trung thần không sợ chết, đó cũng là một điều may mắn. Những bậc trung thần đều là những con người hiên ngang không sợ chết, cái chết đối với họ không là gì cả; còn kẻ gian thần thì rất sợ chết, họ chỉ muốn giữ lấy mạng sống của mình, còn việc quốc gia thế nào cũng chẳng màng.

Năm thứ 19 niên hiệu Trinh Quán, Đại sư Huyền Trang thỉnh kinh từ Ấn Độ trở về, Thái Tông truyền lệnh cho ngài dịch “Đạo Đức Kinh” của Lão Tử ra tiếng nước ngoài. Vì sao vua muốn ngài dịch “Đạo Đức Kinh” của Lão Tử? Bởi Thái Tông nghĩ rằng “Đạo Đức Kinh” rất có tính triết lý, là một bảo bối của Trung Hoa, là một bộ sách có giá trị nhất, do đó nên cho người dịch bộ sách đó ra Phạn ngữ. Đây được xem là sự khởi đầu cho việc phiên dịch kinh điển Trung Hoa ra tiếng nước ngoài.

Đại sư Huyền Trang còn vâng chiếu chỉ của Đường Thái Tông, phiên dịch bộ Kinh Đại Bát Nhã gồm sáu trăm cuốn. Trong thời gian dịch Kinh Đại Bát Nhã, hoa đào đã sáu lần trở hoa - cây hoa đào trong đạo tràng dịch kinh trong vòng một năm, hoa rụng rồi lại nở, nở rồi lại rụng, cứ như thế hoa nở đến sáu lần, đây là hiện tượng từ xưa đến nay chưa từng thấy. Vì sao có hiện tượng ấy? Đó chính là một điềm lành, điều cảm ứng, cho thấy Kinh Đại Bát Nhã là một bộ kinh rất quan trọng trong Phật giáo, rất có sức mạnh cảm hóa con người. Lúc Đức Phật còn tại thế cũng đã từng nói, vào thời mạt pháp, Kinh Đại Bát Nhã đặc biệt quan trọng đối với việc hoằng dương Phật pháp trên đất nước Chấn Đản (tên nước Trung Hoa theo cách gọi xưa của người Ấn Độ). Thế nên mấy năm gần đây chúng tôi đã cho in lại bộ Kinh Đại Bát Nhã, việc này là một phần trong công tác hoằng dương Phật pháp.

Vào thời đại nhà Đường, Phật pháp rất thịnh hành. Trong thời kỳ Phật pháp hưng thịnh nhất, ảnh hưởng cả người Nhật Bản không ngại ngàn dặm xa xôi, đã phái chư tăng vượt biển đến Trung Hoa lưu học. Trước sau, Nhật Bản từng có đến mười tám lần phái sứ thần đến cống tặng phẩm vật

và phái chư tăng đến Trung Hoa lưu học. Trong số ấy có vị tăng tên là Pháp sư Không Hải, sau khi trở về Nhật đã sáng lập ra tông Chân Ngôn, đồng thời phỏng theo chữ thảo của người Trung Hoa để phát minh ra một kiểu chữ của Nhật Bản gọi là “Bình Giả Danh”.

Lúc bấy giờ, các nước lân cận đều có cống nạp cho Trung Hoa, cho rằng nước Trung Hoa là “thiên triều”, là Đại Đường. Cho nên, đến nay người nước ngoài đều biết đến “người nhà Đường” (Đường nhân), bây giờ đến đâu cũng thấy có “phố Đường Nhân” (Lấy chữ “Đường nhân” đặt tên đường, tên phố). Quý vị xem, uy danh của triều đại nhà Đường ghê gớm đến như thế, nên khắp nơi đều có “phố Đường Nhân,” chứ không thấy nói “phố Trung Hoa”. Người nước ngoài đều biết nước Trung Hoa được gọi là “nhà Đường” (Đường triều), do đây có thể biết rằng triều đại nhà Đường đã từng có một thời kỳ cực thịnh, vững mạnh và thịnh trị so với mọi thời đại, cho đến các triều đại như Tống, Minh, Thanh so với triều đại nhà Đường đều thua kém rất nhiều.

Khen rằng:

Đường đại thánh quân, Trinh Quán chi thời (Vị vua anh minh Đại Đường, Thời kỳ vàng son Trinh Quán): Đời Đường có vị vua đức độ sáng suốt, niên hiệu là Trinh Quán, đó chính là Đường Thái Tông. Thế nào là minh quân? Đó là vị vua có cái tâm vô tư tiếp nhận lời phê bình, sửa cái sai theo cái đúng, chân thành nghe lời can gián.

Thiên hạ quy tâm, tứ hải cống chí (Thiên hạ một lòng quy về, khắp nơi đều đến triều cống): Lúc bấy giờ khắp nơi đều rất kính phục Thái Tông, nước ngoài đều đến cống nạp phẩm vật.

Văn lược võ công, tướng tướng hiền sĩ (Văn hóa cùng võ trang, quan tướng đều là người hiền): Tình hình văn hóa và quân sự trong thời kỳ tại vị của Thái Tông đều đáng cho người ta nể phục, những quan văn tướng võ thời ấy đều là

bậc tài đức sáng suốt. Chữ “將” (tướng) là nguyên soái, quan võ; chữ “相” (tướng) là quan văn.

Thiện ư dụng nhân, quốc gia đại trị (Khéo léo dùng người, đất nước thanh bình): Đường Thái Tông rất khéo dùng người, biết rõ cái hay của từng người mà giao đúng nhiệm vụ. Bởi vua có khả năng khéo dùng đúng người, nên đất nước mới được hưng thịnh.

Lại nói lời kệ rằng:

Uy chấn trung ngoại phục tứ di (Uy danh vang lừng trong ngoài, quy phục cả bốn tộc): Uy đức của Đường Thái Tông đã khiến cho trong nước Trung Hoa và nước ngoài đều rất nể phục. Tứ Di là Đông Di (tộc Di phía Đông), Tây Nhung (tộc Nhung phía Tây), Nam Man (tộc Man phía Nam), Bắc Địch (tộc Địch phía Bắc), tất cả đều quy phục thiên triều Đại Đường

Đức bị hà nhĩ vọng lai tề (Đức độ được khắp nơi cùng ngưỡng mộ): Trong nước ngoài nước đều ngưỡng mộ đức hạnh của Thái Tông, nếu cho rằng triều nhà Đường trị vì đất nước rất tốt, nên đều mong được đón nhận ân đức của Thái Tông đến với đất nước của họ, triều Đường cũng mong người nước ngoài dâng cống nạp phẩm vật. Chữ “vọng lai tề” có hai nghĩa như thế.

Ngụy Trưng trung liệt tá Đế tòa (Quan Ngụy Trưng trung thành phò tá bên vua): Ngụy Trưng là người biết pháp thần thông, ông ta cũng đến để phò tá Đường Thái Tông trị vì đất nước.

Tần Quỳnh anh dũng bảo sơn hà (Tướng Tần Quỳnh anh dũng giữ gìn giang san): Tần Thúc Bảo cũng là vị tướng rất anh dũng, sức mạnh hơn người, là người có thể giữ gìn giang san nhà Đường được yên ổn.

Huyền Linh văn công an xã tắc (Tướng Huyền Linh giúp xã tắc an bình bằng sự thông thái của mình): “Xã” là thần đất, “Tắc” là thần mùa màng (thần Nông), đây là tên của hai vị thần trong các lễ cúng tế mang tính quốc gia. Các vị hoàng

để xưa nay đều làm lễ tế thần Xã Tắc trong hai mùa Xuân và Thu, an định xong thần Xã, Tắc thì đất nước cũng nhờ đó mà được mưa thuận gió hòa, quốc gia thái bình nhân dân an lạc, đây cũng là sức mạnh của quan văn, mà sự thông thái của Phòng Huyền Linh đủ để giúp cho quốc gia được an lạc, ổn định.

Nhân Quý võ huân hoá can qua (Nhân Quý tài ba dẹp hết những mối họa đao binh): Tiết Nhân Quý<sup>9</sup> võ nghệ phi phàm, nên nói “hóa can qua”, là dẹp được các cuộc đao binh, biến đao gươm thành ngọc lụa, có nghĩa là vốn có những nơi chưa phục tùng, và đều nhờ Nhân Quý mà đã thuận phục được họ.

Đại Đường thanh thế lưu phương viễn (Tiếng thơm đời thịnh của Đại Đường vang xa): Thế lực đời Đại Đường rất hùng mạnh, uy danh truyền khắp, người nước ngoài đều biết đến nước Đại Đường

Truyền biến Nam Bắc dĩ Đông Tây (Truyền khắp Nam Bắc và Đông Tây): Danh tiếng của nhà Đường vang lừng khắp thế giới, khắp nơi trên thế giới đều biết nước Đại Đường; nên chúng ta là người Đại Đường, đây đều là núp bóng của hoàng đế Đường Thái Tông cả.

***Tuyên Hóa Thượng Nhân giảng vào ngày 11 tháng 09 năm 1987***

---o0o---

## **ĐÁNH HÉT KHÔNG NGỘ - ĐƯỜNG TUYÊN TÔNG**

***Tây Nguyên năm 847 ~ 859***

Đường Tuyên Tông họ Lý, tên Thầm. Con của Hiến Tông, chú của Võ Tông, để tránh bị Võ Tông hại, nên Lý Thầm đã vào chùa làm sa di. Một hôm, sa di cùng với thiền sư Hoàng Bá ngắm thác nước, Thiền sư làm thơ hai câu thơ:

Ngàn hang vạn hốc không từ lao.

Xa thấy mới biết từ chỗ cao.

Sa di liền họa tiếp:

Khe suối làm sao lưu giữ được.

Chảy ra làm sóng biển lao xao

Thiền sư biết đó chẳng phải người bình thường. Sa di thấy Thiền sư lễ Phật, liền hỏi:

- Không chấp nơi Phật, không chấp nơi Pháp, không chấp nơi chúng, Thiền sư lễ Phật, là cầu những gì?

Thiền sư đáp:

- Vì lễ Phật mà lễ Phật.

Sa di lại hỏi:

- Thế thì lễ làm gì?

Thiền sư không đáp, tát thẳng vào mặt sa di một cái. Sa di không hiểu, bực mình nói:

- Thô bạo quá!

Thiền sư nói:

- Đây là chỗ nào mà nói thô nói tế.

Thiền sư lại tát thêm mấy tát, làm cho sa di càng không hiểu ra sao cả. Về sau Võ Tông băng hà, sa di hoàn tục về làm vua, Bùi Hưu làm tướng, Phật Pháp rất hưng thịnh.

Khen rằng:

Quý vi hoàng tộc,  
dị quả thành thực,  
Tị nạn xuất gia,  
tác pháp môn đồ,  
Đại hải ba đào,  
tự tánh hồ đồ,  
Bổng hát bất ngộ,  
định lực vị túc.

Quý là hoàng tộc  
Dị quả chín muồi  
Lánh nạn xuất gia  
Làm đệ tử Phật  
Sóng lớn trong biển.



Tự tánh mơ hồ  
Gậy quát chẳng ngộ  
Định lực chưa đủ.

Lại nói kệ rằng:

Xuất thế nhập thế tuy thù thú,  
Pháp nhĩ như thị khởi quái hô,  
Hốt nhiên nhi thiên hưởng thẳng phước,  
Toàn vãng địa ngục bất tri túc.  
Hoàng bá từ tâm vô dụng xứ,  
Sa di tục niệm hữu dư độc,  
Luân hồi lục đạo nhậm quân khứ,  
Tái tác đế vương triển hồng đồ.

Xuất thế nhập thế tuy khác đường  
Pháp vốn như vậy há lạ chẳng?  
Bỗng nhiên như trời hưởng phước báo  
Xoay về địa ngục không biết đủ  
Tâm từ Hoàng Bá không công dụng  
Sa di tục niệm chứa nhiều độc  
Sáu nẻo luân hồi tùy anh chọn  
Làm lại đế vương thành mộng lớn.

Giải thích bằng văn bạch thoại:

Quý vị chớ nên xem thường sa di, sa di ni, tỳ kheo, tỳ kheo ni xuất gia. Ở Trung Hoa, sa di và sa di ni cũng có vị từng làm hoàng đế. Triều Đường có một sa di làm hoàng đế, chính là Đường Tuyên Tông, triều Minh cũng có một sa di làm hoàng đế, đó là Minh Thái tổ Châu Hồng Võ, hiện nay ở Trung Quốc lại có một sa di làm tướng quân đó là Từ Thế Hữu.

Những vị này đều là từ Phật môn ra, sau khi từ bỏ trai giới, làm những việc hồ đồ lầm lẫn.

Đường Tuyên Tông là dòng dõi đế vương, là hậu nhân của vua Đường Thái Tông; Đường Thái Tông tên Lý Thế Dân, đương nhiên vị hoàng đế này cũng họ Lý, tên Thâm, chữ “忱” (Thâm) này có ý nghĩa cảm kích, một nghĩa là nghĩa tình

cảm, một nghĩa khác là không nói ra được, không nói ra được nghĩa là sao? Là có chút khổ, lại có chút vui; nếu nói nó là khổ, nó cũng không khổ lắm, nếu nói nó là vui, thì cũng không vui lắm; cho nên không khổ cũng không vui, không nói ra được hết cái ý vị của nó thế nào, thích thú thế này. Thầm là con trai của Đường Hiến Tông, chú của Đường Võ Tông.

Lúc Thầm còn làm thái tử, đại khái là một thái tử chịu nhiều khổ nhục. Làm sao biết được? Nếu Thầm không phải là một thái tử chịu nhiều khổ nhục thì sao có thể bị cháu cướp ngôi? Có lẽ lúc Thầm làm thái tử, chỉ là bất lực bù nhìn, tự mình khó giữ, cho nên phải lánh đi; bởi vì phải tránh nạn Đường Võ Tông cướp ngôi, Thầm liền bỏ đi làm sa di. Quý vị xem, một người đáng phải làm hoàng đế mà bỏ đi làm sa di! Đường Võ Tông biết Thầm đi tu làm sa di, nhưng không biết Thầm ở chùa nào, vì thế đã tiêu diệt Phật giáo, dụng ý của việc tiêu diệt Phật giáo là hy vọng tìm được Thầm, nhờ vả phải nhờ tận gốc. Nhưng có lẽ Thầm vẫn là người có tướng lành nhân thiên, cho nên Đường Võ Tông tìm không được.

Thầm đã làm sa di, nhưng cũng rất kiêu ngạo, làm sao biết được Thầm kiêu ngạo? Bởi vì Thầm cùng với thiền sư Hoàng Bá<sup>10</sup> đi ngăn thác nước; trong Phật giáo lúc đó, sa di không được cùng với hòa thượng một chỗ, Vị hòa thượng này có vẻ cũng rất quý Thầm, biết Thầm là thái tử, cho nên cùng Thầm đi ngăn thác nước. Thiền sư Hoàng Bá thấy thác nước đổ cuồn cuộn, giống như hàng vạn con ngựa đang phi nhanh, thế là cảm xúc trào dâng, cảm hứng thi ca phát ra, nên đã đọc lên hai câu thơ; đáng lẽ thơ đều là bốn câu, thiền sư đã nói trước hai câu:

Thiên nham vạn hác bất từ lao ,  
Viễn khán phương tri xuất xứ cao  
(Ngàn hang vạn hốc không từ lao,  
Xa nhìn mới biết từ nơi cao.)

Ý câu thơ nói là, dòng thác này phải chảy qua một chặng đường dài ngàn hang vạn hốc khúc khuỷu như thế, đứng gần

nhìn thì không cảm nhận được gì cả, phải đứng từ xa nhìn, mới biết đầu nguồn thác là từ trên cao đổ xuống.

Lúc đó thiền sư cũng không có ý nói với sa di này, chỉ do trông thấy cảnh tượng ấy nên đổi cảnh sanh tình, đã nói hai câu thơ như thế; hai câu sau, có lẽ thiền sư Hoàng Bá còn đang suy nghĩ, vẫn chưa nghĩ ra. Vị Sa di này đang ở bên cạnh, muốn khoe khoang tài hoa của mình, buông lời thành thơ liền làm tiếp, nói:

Khê giản khởi năng lưu đặc trụ ,  
Chung quy đại hải tác ba đào.  
(Khe suối há thể lưu giữ được,  
Quy về làm sóng biển lao xao.)

Chính là nói, thác nước này từ trên cao đổ xuống, mà khe núi nhỏ bé không chứa được bao nhiêu nước, làm sao chứa được thác nước lớn này! Thác nước lớn này cuối cùng phải chảy ra biển cả, vào trong biển cả biến thành sóng lớn, sóng lớn này tạo ra gió tạo ra những con sóng nhỏ khác. Ý của thiền sư là thác nước dụ cho sa di, sa di đáng lẽ phải là hoàng đế, từ trong hoàng cung ra, xuất thân từ một địa vị rất cao. “Ngàn hang vạn hốc”, cũng chính là ở trong hoàng cung muôn đầu nghìn mối, tranh quyền đoạt lợi, trôi giạt ra ngoài. “Xa thấy”, chính là nhìn kỹ, tỉ mỉ nhìn xem, mới biết Vị hoàng đế này không tầm thường, cho nên nói “xa nhìn mới biết từ chỗ cao”. Chính sa di có lẽ cũng có cảm xúc, liền nói “Khe núi há có thể lưu giữ được”, sông ngòi nhỏ thế này, giữ không được thác nước cuộn cuộn như thế này, cuối cùng nước cũng phải trở về biển cả; biển lớn không chối từ những dòng suối khe nhỏ, tất cả mọi nguồn nước đều phải trở về với biển cả, trở thành sóng lớn cuộn trào.

Thiền sư Hoàng Bá nghe hai câu thơ tiếp theo của sa di, biết rằng sa di là người có tài hoa, sau này không chỉ làm sa di, nếu tiếp tục làm người xuất gia, sẽ làm một Đại pháp sư, nếu không xuất gia, cũng làm hoàng đế, cho nên biết sa di không phải con vật ở trong hồ. Trong hồ chỉ có thể nuôi dưỡng những loài thủy tộc bình thường như cá nhỏ, tôm

tép; nếu như là chú rồng con, rồng con chẳng phải là vật ở trong hồ, không phải hồ nước có thể nuôi được nó. Cũng là nói, e rằng tương lai Thâm xuất gia không thể lâu, không phải cái chùa nhỏ bé này có thể chứa được ông ta.

Một đoạn thơ này, cũng có thể giải thích theo cách khác. Thác nước này lại có thể nói là đầu nguồn của sự truyền bá Phật Pháp, dòng thác Phật Pháp cũng đi qua muôn cửa ngàn nhà, có nhiều đến tám vạn bốn ngàn loại pháp môn như thế; trong đó bất kỳ một pháp môn nào, khởi đầu của nó cũng đều do Phật thuyết, đều tưới nhuần rộng khắp tất cả chúng sanh. Quý vị nghiên cứu kĩ, mới biết sự huyền diệu của Phật Pháp; tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi một pháp môn đều là đệ nhất, không có pháp môn thứ hai. Bởi vì pháp môn ấy, đúng căn tánh của bạn, đúng chân tính của bạn chính là pháp môn đệ nhất; không đúng chân tính căn cơ của bạn, mà đúng căn tánh của người khác tức là đệ nhất của người khác. Cho nên tám vạn bốn ngàn pháp môn, thì có tám vạn bốn ngàn pháp môn đệ nhất, không có pháp môn thứ hai; đều là pháp môn không hai, là nghĩa đệ nhất nghĩa đế.

Một hôm sa di này lại thêm lắm chuyện, sa di trông thấy thiền sư Hoàng Bá đang lễ Phật, trong bụng có chút nghi ngờ, cảm thấy Lão Hòa Thượng này chẳng hiểu biết gì cả, bình thường nói là không nên chấp trước, không nên chấp trước — không nên chấp Phật, cũng không nên chấp Pháp, cũng không nên chấp chúng Tăng, Phật Pháp Tăng đều không nên chấp; thế ông ở đây một ngày lễ suốt đến tối, đứng lên lại quỳ xuống, còn cúi đầu, nhiều phiền phức thế này! Cho nên sa di rất xem thường thiền sư Hoàng Bá. Có lẽ bình thường sa di đối với thiền sư không chút nể nang, cho nên liền đến vấn nạn:

“ Lúc Hòa Thượng giảng pháp thường nói không chấp Phật, không chấp Pháp, không chấp Tăng, thế Hòa Thượng lễ Phật để cầu gì? ”

Thiền sư liền nói: “Ta vì lễ Phật mới lễ Phật.”

Ý ở đây là nói, ta vốn dĩ như thế, đây là những gì vốn có của ta, ta không có gì để cầu cả, như vậy đây cũng chính là lễ Phật.

Sa di lại hỏi: “ Cần lễ làm gì? ” Ý là nói, Hòa Thượng đã cho là vì lễ Phật mới lễ Phật, thế thì Hòa Thượng còn phải cần đến cái lễ làm gì? Hòa Thượng còn dính mắc tướng kia làm gì? Đây chính là truy vấn dồn dập, là phong cách thiền trong lời nói. Quý vị phải biết, đây là phong cách thiền đầu môi của sa di, đồng thời sa di không hiểu biết gì việc lễ Phật, cáo gọi là: “Trước Phật đánh lễ tội diệt hằng sa, bố thí một đồng thêm phước vô lượng.” Sa di chỉ hiểu được chút thút ngoài da, chứ không hiểu được có bảy thứ lễ bái: Lễ ngã mạn, lễ cầu danh, lễ nhíp nhàng giữa thân và tâm, lễ phát trí thanh tịnh, lễ hòa khắp pháp giới, lễ chí thành chánh quán tu hành, lễ bằng sự bình đẳng của thật tướng. Nếu thấy người khác lễ, người kia cũng lễ theo đây gọi là tùy hỷ lễ. Thế rồi Sa di liền hỏi: “ Cần lễ làm gì? ” Tại sao nhất định phải lễ Phật? Câu hỏi này cũng giống như một số người Mỹ không hơn không kém, người Mỹ nói: “ Bạn lễ Phật làm gì? Nó là tượng gỗ!”

Vừa hỏi như vậy, thiền sư Hoàng Bá cảm thấy sa di quá ngang tàng, chỉ hiểu chút thiền đầu môi chót lưỡi, đã mang ra giở trò với ta rồi ! Vì thế liền tát thẳng vào mặt sa di một cái, cái tát này đã làm sa di tối tăm mặt mày, nói: “ Thô bạo quá! ” Tác phong của ngài quá thô bạo. Thiền sư nói: “ Đây là chỗ nào mà người nói thô nói tế !” Cũng là nói, người đã nói không cần lễ, đúng thế! Không phải lễ Phật cũng được; thế bây giờ ta tát người, cũng là không cần tát, ta tát người cùng chưa tát người không có gì khác nhau. Lúc ta tát người, người có cảm tưởng gì? Khi ta chưa tát người, người có cảm tưởng gì? Cũng là nói, ta lễ Phật người nói không cần lễ Phật, đây giống như ta tát người và chưa tát người, người cảm thấy có gì khác biệt? Đến đây sa di mắng thiền sư Hoàng Bá quá thô bạo, thiền sư Hoàng Bá nghe sa di nói như thế, biết sa di vẫn chưa hiểu, vẫn chưa rõ ý sư; vì thế tát tiếp liền mấy bạt tai, bất kể sa di nói gì, vẫn tát cho

sa di tóa hỏa tam tinh, tối tăm mặt mày, nhưng sa di vẫn không hiểu có gì, cũng không biết rốt cuộc đã phạm tội gì, chịu đòn oan nhưng sa di vẫn không biết cách gì để phản kháng lại.

Đợi đến lúc tội ác của Đường Võ Tông chất chồng phải chịu quả báo, cho nên đã chết. Bấy giờ một số quan văn võ trong triều mới đi tìm hậu duệ của họ Lý, họ đã tìm được Thầm, mời Thầm về làm hoàng đế. Bởi gì Thầm đã làm sa di, cho nên khi làm hoàng đế vẫn tin tưởng Phật Pháp; Thầm phong Bùi Hữu<sup>11</sup> làm thừa tướng. Nhờ vậy mà sau khi Đường Võ Tông tiêu diệt Phật pháp, Phật Pháp lại được hưng thịnh trở lại.

Việc thế gian thì lúc thịnh lúc suy, khi bình khi loạn, tốt đến cực điểm lại phải xấu rồi, xấu đến cực điểm lại phải tốt rồi; một người phải là thân thể tráng kiện, khỏe mạnh đến cực điểm, nếu không biết yêu quý giữ gìn nó, không biết giữ sức khỏe thì sẽ có bệnh, bệnh nếu nặng thì sẽ chết. Nếu không cẩn thận mà mắc phải bệnh AIDS, liền trở thành con trùng độc truyền nhiễm trên thế gian, làm cho mọi người lây nhiễm cho nhau, cùng nhau đến chỗ chết. Đây là vì sao? Bởi gì con người vui sướng đến cực điểm, thì buồn rầu đến, gọi là “vui quá sanh buồn”. Chúng ta tốt nhất không nên vui quá, thì sẽ không sanh đau buồn.

Tôi phải cố gắng dùng một số hình ảnh của các thiền sư ngày xưa, cho đến các kinh Chú Đại Bi, Kinh Lăng Nghiêm, các bài tán và kệ tụng để nói rõ vấn đề hơn. Vốn dĩ đoạn văn này dù không nói kệ tụng, không nói tán, người bình thường xem cũng hiểu; nhưng tôi lại thêm vào một bài tán, một bài kệ tụng để giải thích vấn đề thêm rõ ràng hơn. Tán cũng không nhất định là khen ngợi mà là để bình luận vấn đề.

Khen rằng:

Quý vi hoàng tộc, dị quả thành thực,  
Tị nạn xuất gia, tác pháp môn đồ,  
Đại hải ba đào, tự tánh hồ đồ,  
Bồng hát bất ngộ, định lực vị túc.

Quý vi hoàng tộc, dị quả thành thực (Quý là hoàng tộc, dị quả chín muối) : Thầm là con cháu dòng tộc hoàng đế, có thể nói là dòng tộc tôn quý. Nhưng quả báo hai bên của Thầm đều chín muối. Quả báo hai bên là gì? Một quả sa di, một quả hoàng đế. Đây cũng có thể gọi là “quả dị thực”, quả không đồng loại, không chín cùng một thời gian. Thầm vốn sanh trong nhà hoàng đế, lẽ ra không có tai nạn gì, nhưng lại gặp phải tai nạn người cháu cướp ngôi.

Tị nạn xuất gia, tác pháp môn đồ (Lánh nạn xuất gi, làm đệ tử Phật): Bị cướp mất ngôi, Thầm liền lánh nạn vào chùa xuất gia, làm môn đồ trong cửa Phật, làm sa di.

Đại hải ba đào, tự tánh hồ đồ (Sóng lớn trong biển, tự tánh mê mờ): Tuy Thầm làm sa di, nhưng vẫn chưa quên hoài bảo của thiên tử; cho nên Thầm còn phải dậy sóng trong biển cả, xoay chuyển trong biển người. Tự tánh của Thầm còn mê mờ, tuy Thầm có tài hoa như thế, nhưng vẫn chưa hiểu rõ; nếu thật sự Thầm đã hiểu rõ, thì sẽ không đi làm hoàng đế nữa. Giống như hoàng đế Thuận Trị nhà Thanh, tự biết mình vốn là một chú tiểu trong chùa, không hiểu nguyên do sao lưu lạc vào nhà đế vương? Vì thế liền trở vào chùa làm hòa thượng, không làm hoàng đế nữa. Nhưng hoàng đế Đường Tuyên Tông này vẫn chưa tỉnh mộng, cho nên đánh hét mà cũng không chịu ngộ.

Bồng hát bắt ngộ, định lực vị túc (Gậy hét vẫn không ngộ, bởi định lực chưa đủ): Tại sao không ngộ được ý hòa thượng? Bởi gì Thầm còn nuôi mộng làm hoàng đế. Thầm chưa tu giới viên mãn, cho nên định lực không đầy đủ; định lực không đủ, thì huệ lực cũng không đủ.

Lại nói kệ:

Xuất thế nhập thế tuy thù thú,  
Pháp nhĩ như thị khởi quái hô,  
Hốt nhiên nhi thiên hưởng thẳng phước  
Toàn vãng địa ngục bất tri túc  
Hoàng bá từ tâm vô dụng xứ  
Sa di tục niệm hữu dư độc

Luân hồi lục đạo nhậm quân khứ,  
Tái tác đế vương triển hồng đồ

Xuất thế nhập thế tuy thù thú (Xuất thế nhập thế tuy khác đường): Xuất gia và tại gia tuy là khác, như trong Lục Tổ Đàn Kinh có nói: “Phật pháp là từ nơi thế gian pháp, không có sự giác ngộ ngoài pháp thế gian, bỏ thế gian để đi tìm Bồ-đề, chẳng khác gì đi tìm lông rùa sừng thỏ”. Tu hành là phải tu nơi thế gian, trên những con sóng của biển khơi, quý vị phải vượt ra khỏi. Quý vị có thể cưỡi gió đập sóng, phấn chấn tinh thần, không bị trôi nổi theo tiền tài, sắc đẹp, danh lợi, ăn uống, ngủ nghỉ, tiến thẳng lên, thì có thể vượt ra khỏi; ngay trong thế gian này tu Pháp xuất thế, cho nên nói “xuất thế nhập thế tuy khác đường”, xem ra thì khác nhau, nhưng cùng về một đích.

Pháp nhĩ như thị khởi quái hô (Pháp vốn như thế há lạ chẳng): Phật Pháp thì tràn ngập hư không, cùng khắp pháp giới, hư không pháp giới đều đang diễn thuyết diệu pháp, cho nên Tô Đông Pha mới nói: “Tiếng suối cũng là tiếng lữi rộng dài đang nói pháp, Sắc núi khác gì pháp thân thanh tịnh” Tiếng suối róc rách, sắc màu của núi rừng, tất cả cùng đang diễn thuyết diệu pháp ! Diễn thuyết Phật Pháp không nhất định phải có người đứng đó để giảng kinh nói pháp mới được xem là thuyết pháp; vạn sự vạn vật trên thế gian cũng như thế đều đang nói Pháp. Nếu như quý vị hiểu được vậy, đây đều là chân lý rất ráo, đều là nơi ẩn tàng diệu pháp; nếu quý vị hiểu không được như vậy, khắp nơi đều là bụi cây gai góc, đều là trói buộc.

Hốt nhiên nhi thiên hưởng thẳng phước (Bỗng nhiên được hưởng phước thù thẳng như trời): Chúng sanh ở trong sáu đường luân hồi, bỗng chốc lên thiên đường, hưởng thụ phước báo thù thẳng của trời; nhưng rồi phút chốc lại rơi xuống địa ngục.

Toàn vãng địa ngục bất tri túc (Xoay về địa ngục không biết đủ): Vì sao bị đọa vào địa ngục? Bởi gì tâm tham, không biết đủ. Nếu không có tâm tham, thì sẽ không rơi vào địa ngục;



bởi vì không biết đủ, mới bị đọa vào địa ngục. Điểm này quý vị phải chú ý, đọa vào địa ngục là do tham sân si.

Hoàng bá từ tâm vô dụng xứ (Lòng từ Hoàng Bá không công dụng): Thiên sư Hoàng Bá đã tát hai tát vào má phải má trái của sa di, đây là cái tát bằng lòng từ bi muốn giúp sa di khai ngộ, muốn đánh tỉnh giấc mộng làm hoàng đế của sa di; nhưng có lẽ cái tát còn nhẹ, cho nên không đánh chết được mộng làm hoàng đế của sa di. Đánh chưa tỉnh, thì sa di vẫn chưa khai ngộ, còn tiếp tục mộng làm hoàng đế; nên nói những ý niệm thế gian của sa di nhiều độc hại.

Sa di tục niệm hữu dư độc (Những ý niệm thế gian của sa di nhiều độc hại): Chữ “dư” này không phải dư của dư thừa, mà có nghĩa là rất nhiều, nhiều không kể được. Nhiều như thế nhưng cái độc này nói không cùng, độc phát ra rất nhiều, bình thường con người có tám lạng độc, sa di này thì có đến mười sáu lạng, hoặc ba mươi hai lạng, bốn mươi tám lạng, cái độc dư này của sa di hơn người khác rất nhiều.

Luân hồi lục đạo nhậm quân khứ (Sáu nẻo luân hồi tùy anh chọn): Sáu đường luân hồi bày ra nơi đó, do quý vị tự đến tự đi, muốn đến con đường kia, tùy quý vị vui thích. Nhưng ở đây không phải tự mình có thể kiểm soát được, là do mình tạo nghiệp nên phải đi nhận quả báo, cho nên tự mình không thể khống chế; nếu như mình có thể kiểm soát, thì mọi người đều lên thiên đường hết rồi. Nhưng chỉ trong thoáng chốc đã rơi vào địa ngục, cho thấy rằng bản thân mình không thể khống chế được, mình tạo nghiệp gì thì phải chịu quả báo đó. Xét cho cùng, chính là khởi lên mê hoặc, tạo nghiệp, chịu quả báo; khởi lên mê hoặc là sự mê mờ trong một ý niệm, vì sự mê mờ trong một ý niệm liền tạo nghiệp, tạo nghiệp thì phải chịu quả báo. Cho nên nói, Sáu nẻo luân hồi tùy anh chọn. Quý vị tình nguyện đi theo con đường kia, là quyết định nghiệp của chính quý vị tạo.

Tái tác đế vương triển hồng đồ (Làm lại đế vương thành chí lớn): Đường Tuyên Tông đã hoàn thành được giấc mộng hoàng đế, cho nên bắt đầu thực hiện những hoài bảo và chí

nguyện của mình. Chí nguyện của Thầm là gì? Là làm hoàng đế. Thế làm được hoàng đế rồi Thầm còn muốn làm gì? Điều đó chẳng ai biết được. Cũng chính là làm việc tốt có quả báo tốt, làm ác có quả báo ác; bây giờ chưa báo ứng, là do thời khắc chưa đến, lúc thời khắc báo ứng đến, nhất định phải nhận chịu quả báo.

Hòa thượng Tuyên-hóa giảng vào ngày 22 tháng 8 năm 1987

---oOo---

## **CHÂU U VƯƠNG - NỔ LỬA “ĐÀI TIN” TRÊN GẠT CHƯ HẦU (NĂM 781-771 TRƯỚC TÂY LỊCH)**

*(Bản Hoa ngữ)*

Châu U Vương họ Cơ, tên Cung Niết, là một hôn quân mất nước thời Tây Chu. Ông được nước Bao (Còn gọi là “Hữu Bao”, Tên một nước chư hầu của Trung Hoa thời cổ đại, nay thuộc huyện Miễn, tỉnh Thiểm Tây, Trung Hoa) hiến tặng một mỹ nữ tên Bao Tụ, một cô gái tuy rất xinh đẹp nhưng chưa bao giờ nở nụ cười. U Vương rất sủng ái Bao Tụ nên tìm đủ mọi cách để mong có được nụ cười của nàng nhưng cuối cùng vẫn không được như ý nguyện. Có người hiến kế rằng: “Thiên hạ đã thái bình, các đài lửa báo tin cũng đã tắt hết, nếu như nay cho khói lửa nổi lên trên đài báo tin, các nước chư hầu sẽ lập tức kéo binh đến, bấy giờ hoàng hậu nhất định sẽ cười”. Thế là, U Vương liền cho nổi khói mịt mù trên đài báo, quân chư hầu thấy thế nghĩ là U Vương đang có nạn, liền tức tốc kéo quân ứng cứu. Bao Tụ vừa thấy cánh ngàn vạn binh mã khí thế hùng hổ kéo đến, bèn thích thú nhoẻn miệng cười. Đến nơi, quân chư hầu bèn hỏi U Vương: “Đã xảy ra chuyện gì?” Vương đáp rằng: “Chỉ vì muốn hoàng hậu cười thôi”. Chư hầu đành tức giận ra về.

Về sau, Thân Hầu mượn quân của Khuyển Nhung tiến đánh U Vương, lần này Vương cho nổi lửa đài báo, thế nhưng không một bóng quân chư hầu nào đến giúp. Cuối cùng

Vương thất trận bị giết ở núi Li. Tây Chu bị diệt vong, Đông Chu thành lập, kiến nghiệp tại Lạc Dương

Lời bình rằng:

Mạo mỹ tâm độc  
Ngộ quốc hại phu  
U Vương vô đạo  
Bao Tụ nhược hồ  
Thái bình cử hỏa  
Hý lộng chư hầu  
Kỳ bác nhất tiểu  
Giang sơn tùy hưu.

Diễn thơ:

Dung mạo nàng tợ Hằng Nga  
Mà lòng ác độc gian tà lắm thay!  
Hại chồng mất nước xương bày.  
U Vương vô đạo đắm say sắc tình.  
Thái bình nổi lửa “đài tin”  
Mượn hầu diễn kịch mượn binh mua cười.  
Khổ thay thiên hạ ngậm ngùi!  
Giang sơn theo đó thay ngôi đổi đời .

Lại có kệ rằng:

Đao thương nhập khổ khánh thẳng bình  
Mã phóng nam san thiên địa tình  
Hý lộng chư hầu cử phong hỏa  
Chuyên sùng Bao Tụ tiểu mục nghinh  
Hôn quân vong quốc giai như thử  
Anh hùng sáng nghiệp dị tục lưu  
Tụ cổ mỹ nữ danh họa thủy  
Khuyh quốc khuyh thành vị đa tình

Diễn thơ:

Nước dẹp binh đao hưởng thái bình  
Ngựa thả núi Nam trời đất an.  
Nổi lửa pháo đài hầu hối hả  
Chỉ vì Bao Tụ nộ cười xinh

Hôn quân mất nước đời thán oán  
Anh Hùng lập quốc thế hoan nghinh.  
Mỹ nữ muôn đời là tai họa  
Nước mất, thành nghiêng bởi chữ tình.

### **PHẦN GIẢI THÍCH**

Thủy Kính Hồi Thiên Lục được viết với bút pháp của thời Xuân Thu, Những nhân vật tốt thì giống như những khuôn phép mà chúng ta có thể học theo và bắt chước theo; những nhân vật xấu ác thì như những lời răn đe mà chúng ta cần phải ngăn ngừa, cần nhắc những thói hư xấu ác kia của họ. Người tốt hay người xấu đều là những tấm gương cho chúng ta học hỏi, tốt thì có gương tốt, xấu thì có gương xấu. Do đó nên chúng tôi lấy những cái tốt nhất và những cái xấu nhất xưa nay để trình bày cùng quý vị nghe.

Hôm nay giảng đến Châu U Vương, vua họ Cơ, tên Cung Niết, là hôn quân mất nước thời Tây Chu, đã để giang sơn rơi vào tay người khác. Tại sao vị hôn quân này người ta gọi là U Vương? U có nghĩa là không sáng suốt, không có trí tuệ, là một ông vua ngu xuẩn; Vương đã không có được cái nhìn chân chính minh bạch, lại còn tà tri tà kiến. Thời đó, người nước Bao dùng kế hiền cho Vương một mỹ nữ tên Bao Tự, một người con gái sắc đẹp lộng lẫy phi thường, nhưng lòng dạ vô cùng độc ác. Bởi vì Bao Tự mang dòng máu của loài rồng độc; cái độc ác của Bao Tự là làm cho giang sơn Đại Châu mất vào tay kẻ khác. U Vương rất sủng ái Bao Tự, nàng muốn gì U Vương cũng đồng ý, nói gì U Vương cũng nghe theo, làm gì U Vương cũng hết mực nuông chiều.

Thế nhưng tính tình của người con gái này rất quái lạ, suốt ngày nét mặt đăm chiêu, không bao giờ cười. U Vương thấy thế, muốn cho Bao tự có được nét mặt vui tươi, nên đã tìm trăm phương ngàn cách chỉ để khiến cho Bao tự vui cười, nhưng đều không có kết quả. Thế rồi có người hiền kế rằng: “Đất nước đang trong thời thái bình, đã lâu chưa phóng lửa ở đài báo tin; nếu như bệ hạ cho đài tin nổi lửa lên, quân chư hầu sẽ kéo đến, lúc ấy hoàng hậu sẽ rất vui”. Phong hỏa

(đốt lửa báo tin) là tín hiệu báo tin của người Trung Hoa xưa. Giả như có việc gấp cần báo tin cho nhau, bởi vì các địa phương cách nhau rất xa, nếu như cưỡi ngựa đi báo tin thì cũng phải rất lâu mới đưa được tin báo đến với các nơi. Trong khi đó nếu nổi tín hiệu khói “lang yên”<sup>12</sup> lên, người ta nói rằng “lang yên” là dùng từ phân loài sói, phân sói mà đốt lên thì khói bay nghi ngút và bay lên rất cao, người ở xa ngoài vài mươi dặm cũng có thể nhìn thấy, do đó người xưa dùng “lang yên” để làm tín hiệu báo tin lúc gặp nguy hiểm, như có việc nguy cấp thì đốt khói phân sói lên để báo tin cho các nước chư hầu, gọi họ mang binh đến giải nguy cứu chúa.

Thế nhưng, U Vương không hề hiểu rằng, đây là một việc hết sức quan trọng, không thể tùy tiện mang ra đùa giỡn với chư hầu; U Vương cứ theo kế nói trên mà làm, thế là lửa báo động đã được châm lên trên hỏa đài. Ngọn lửa vừa được châm lên, quân chư hầu trông thấy, đều nghĩ là hoàng đế đang gặp việc nguy cấp liền kéo binh đến kinh thành cứu giúp. Việc cứu binh như cứu lửa, quân chư hầu hùng hổ tiến binh về kinh thành để cứu nguy, nhưng vừa đến nơi thì thấy chẳng có chuyện gì xảy ra ngoài U Vương và Bao Tự đang đứng trên thành cười ha hả.

Quân chư hầu mới hỏi U Vương rằng: “Ngài nổi khói ở đài tin, rốt cuộc là chuyện gì cấp báo chẳng?” Vương trả lời: “Chẳng có chuyện gì cả, từ lâu được sống trong cảnh thái bình, đây cũng là một cách huấn luyện binh mã của chúng ta. Thôi thì chư vị đã đến đây, xem như mọi người cùng gặp mặt vậy, nàng Bao Tự của ta cũng được vui rồi; ta chỉ nghĩ cách làm cho Bao Tự vui, nên đã mời chư vị đến đây, chúng ta cùng họp mặt một lúc.” Nghe thế chư hầu mới vỡ lẽ rằng đây đúng là một trò đùa quá lỗ đối với bọn họ, chẳng xem bọn họ ra gì, nên đã kéo binh về hết.

Việc quân chư hầu kéo nhau ra về cũng chẳng có gì đáng nói, nhưng về sau thật đã có việc nguy cấp xảy ra, Thân Hầu mượn binh Khuyển Nhung kéo đến gây chiến với U Vương<sup>13</sup> sức quân của U Vương không đủ để kháng cự, mà giờ đây cũng không thể nhờ binh cứu viện của quân chư hầu nữa,

thế nên U Vương đành phải tự mình chịu trận. Cuối cùng không thể địch nổi quân Thân Hầu và Khuyển Nhung, U Vương bại trận và chết ở núi Li, Bao Tự bị bắt; kinh thành bị chiếm, Tây Chu đến đây bị diệt vong, kinh đô được dời về đông ở Lạc Dương, xưng là Đông Chu.

Bàn Về Châu U Vương, từ Chữ “U” này chúng ta cũng hiểu được rằng đây là một hôn quân, việc gì cũng không rõ ràng, không hiểu biết, chỉ biết nghĩ đến việc muốn làm tỉnh trưởng, làm hoàng đế, làm tổng thống, chỉ biết nuông chiều người đẹp Bao Tự, và thế là đã đánh mất cả thiên hạ.

Lời bình:

Mạo mỹ tâm độc, ngộ Quốc hại Phu: Bao Tự tuy tướng mạo rất xinh đẹp nhưng trong lòng thì vô cùng độc ác. Bao Tự bất chấp sự an nguy của quốc gia, còn hại đến chồng mình.

U Vương vô đạo, Bao Tự nhược hồ: Châu U Vương là một hôn quân vô đạo, không biết cách lãnh đạo đất nước; Bao Tự lại là một con cáo già, không hề biểu lộ được một nét gì ngay thẳng.

Thái bình cử hỏa, hý lộng Chư Hầu: Đang lúc thái bình lại cho đốt lửa báo hiệu; U Vương đã lấy việc này ra làm trò đùa để trêu gạt chư hầu.

Thị bác nhất tiếu, giang sơn tùy hưu: Cũng vì tìm một nụ cười của Bao Tự; U Vương đã đánh mất cả giang sơn.

Lại có kệ rằng:

Đao thương nhập khố khánh thăng bình (Thương giáo vào kho vui thái bình): Trong thời ấy vốn là rất thái bình, nên nói “Đao thương cất vào kho, ngựa thả ở núi Nam”.

Mã phóng nam san thiên địa tình (Thả ngựa ở núi nam đất trời quang đãng): Đất trời quang đãng, đây là biểu thị của thời không có tai nạn, những con ngựa chiến được thả trên những đồng cỏ xanh tốt ở núi phía Nam.

Hý lộng chư hầu cử phong hỏa (Trêu gạt chư hầu nổi lửa đài tin): Thế nhưng, U Vương chỉ vì có được tiếng cười của Bao Tụ đã đốt lửa đài tin để trêu gạt chư hầu.

Chuyên sững Bao Tụ tiểu mục nghinh (Sững ái Bao Tụ dùng tiếng cười khinh miệt đón chư hầu): Khi thấy quân chư hầu kéo đến Bao Tụ đã cười một cách thỏa thích, gương mặt vui cười đón quân chư hầu dáng vẻ đầy nham hiểm.

Hôn quân vong quốc giai như thử (Hôn quân mất nước đều như thế): Xưa nay các vị hôn quân đều như thế cả, vì ham mê tửu sắc mà nước mất nhà tan.

Anh hùng sáng nghiệp dị tục lưu (Anh hùng làm nên sự nghiệp đều là kẻ hơn người): Bậc anh hùng xuất chúng đúng nghĩa, kẻ đại trượng phu, thì không hề giống như người bình thường u mê vô dụng như thế.

Tụ cổ mỹ nữ danh họa thủy (Từ xưa người con gái đẹp đều là mối tai họa): Từ xưa biết bao hôn quân đã vì sắc đẹp mà mất nước, bởi vậy câu “Nữ nhân thị họa thủy” đã trở thành câu tục ngữ của người Trung Hoa.

Khuynh quốc khuynh thành vị đa tình (Nghiêng nước nghiêng thành bởi thói đa tình): Thói đa tình của Bao Tụ đã khiến cho U Vương này mê mẩn mà không còn biết gì khác, chỉ còn biết tham tửu sắc, vì thế đã làm cho đất nước mất luôn.

***Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng vào ngày 03-10-1987***

---o0o---

## **TẦN THỦY HOÀNG - HOÀNG ĐẾ TÀN BẠO ĐỘC TÀI CHUYÊN CHẾ**

***(Bản Hoa ngữ)***

Tần Thủy Hoàng họ Doanh tên Chính, là một ông vua độc tài bạo ác, đã thôn tính sáu nước và thống nhất Hoa Hạ, phong Lý Tư làm thừa tướng, thực thi chế độ tập trung

quyền lực ở cấp trung ương, phế bỏ phong kiến, lập ra các quận huyện để cai trị. Tần hoàng tự cho mình là người có công hơn cả Tam hoàng, có đức hơn cả Ngũ đế, rồi tự xưng mình là hoàng đế đầu tiên của Trung Hoa. Ông đã ra lệnh đốt sách và chôn học trò, thực hiện chính sách ngu dân nô dịch; cho xây Vạn lý trường thành để ngăn chặn giặc Hồ; dựng cung A Phòng dài hơn ba trăm dặm, làm khổ nhân dân, tổn hao tiền của, nổi cùm cực không thể nói thành lời. Tần Thủy Hoàng còn cho chế tạo vũ khí bằng sắt, đúc tượng người bằng đồng; bắt sửa chữ viết, thay đổi y phục, xe cộ và các chỉ số cân đo đong đếm v.v.. toàn quốc đều phải nhất trí thực hiện theo. Tần Thủy Hoàng đã lập nên một đại đế quốc đầu tiên của Trung Hoa, áp đặt thuế má nặng nề, làm cho nhân dân phải sống trong cảnh khốn khổ lầm than.

Lúc bấy giờ vua A-dục bên nước Thiên Trúc phái đoàn sa-môn, có ngài Thất-lị-phòng, gồm mười tám vị đến nước Chấn Đán (tên người Ấn Độ dùng để gọi nước Trung Hoa ngày xưa) để truyền bá Phật giáo. Tần Thủy Hoàng thấy các vị sa-môn sắc phục khác lạ nên đã bắt giam họ, đem đến có một vị thân thân sắc vàng cao một trượng sáu đến phá ngục cứu các vị sa-môn. Tần đế biết được việc này sanh lòng sợ hãi, bèn đánh lễ tạ lỗi rồi ban hậu lễ để ban tặng các vị sa-môn.

Lời bình:

Hiếu đại hỷ công  
Chiến tranh lữ hưng  
Chuyên chế độc tài  
Thôn lặc quốc binh  
Tung hoành cuồng vọng  
Tự khoa sính năng  
Ngũ đế Tam hoàng  
Bất nguyện tịnh hành

Diễn thơ:

Thủy Hoàng tham lợi chuộng danh  
Khởi binh tác chiến máu thành biển sông



Chuyên quyền độc đoán cướp công  
Gồm sáu nước về vòng tay ta  
Hung hăng cuồng bạo vọng tà  
Tự cao ngã mạn ngợi ca mình tài  
Tam Hoàng Ngũ Đế quốc khai  
Chẳng noi gương đức lại hoài miệt khinh.

Lại có kệ rằng:

Bạo ngược vô đạo nhất kiêu hùng  
Hổ đầu nhân thân quái yêu tinh  
Thực tận thể nhân lưu bạch cốt  
Trảm tuyệt thương sanh nhiễm huyết tinh  
Vạn lý trường thành điều cổ tích  
Thiên kiếp cự khanh hận nan bình  
Doanh Tần thế lực kim hà vãng  
Thả khứ nhật bốn vấn ngư ông.

Diễn thơ

Thủy Hoàng hung bạo lại kiêu căng  
Thân người đầu hổ tợn yêu tinh  
Ăn thịt thể nhân chừa xương trắng  
Giết người máu nhuộm chẳng thương tình  
Vạn Lý Trường Thành ghi dấu hận  
Ngàn sau tiếng oán khó san bằng  
Doanh Tần thế lực nay đâu nhỉ!  
Ngư ông xứ Nhật rõ tường tình.

Nói đến Tần Thủy Hoàng, thì trong số các vị hoàng đế Trung Hoa từ xưa đến nay không ai tàn bạo bằng ông. Ông họ Doanh, tên Chính, từ nhỏ đã có nhiều điều đặc biệt khác thường, ông vô cùng thông minh nhưng cũng rất ngang ngược, nên có thể nói, Tần Thủy Hoàng là một bậc anh hùng đầy mưu lược cũng là một ông vua độc đoán bạo ngược. Vua Tần lấy sự anh hùng của mình để tạo thời thế và cũng biết chọn thời thế để tạo anh hùng cho chính mình. Lúc bấy giờ Trung Hoa gồm có các nước nhỏ như: Tề, Sở, Yên, Hàn, Triệu, Ngụy, Tần, gọi là “Thất hùng”. Thế lực của các nước Thất hùng đều ngang nhau, nhưng Doanh Chính đã có thể

trong tình hình thế lực cân bằng ấy mà mang quân đánh chiếm và chinh phục luôn cả sáu nước kia, gọi là “Thôn tính sáu nước” chính là để chỉ còn lại một nước Tần của Doanh Chính mà thôi. Nhưng sáu nước kia có phải là do Tần Thủy Hoàng thôn tính không? Không phải thế đâu. Người xưa nói: “Diệt lục quốc giả, lục quốc dã, phi Tần dã; vong Tần giả, Tần dã, phi lục quốc dã” (Người tiêu diệt sáu nước, chính là tự thân sáu nước, chứ không phải nước Tần tiêu diệt; người làm mất nước Tần, chính là tự thân nước Tần, chứ không phải do sáu nước). Nhìn vào thì thấy là Tần đã tiêu diệt sáu nước, thực ra chính do sáu nước ấy tự tiêu diệt mình, không phải do nước Tần tiêu diệt họ. Bởi vì, nếu sáu nước kia biết tự đứng lên, biết làm mạnh nước mình, khéo cai trị đất nước thì nước Tần cũng không có cách để tiêu diệt. Cũng chính vì sáu nước kia hoang dân vô đạo không lo việc quốc gia, thiết lập quốc phòng, thế nên đã bị Tần nhân cơ hội đó mang quân đánh chiếm. Do vậy mới nói nói: “Người tiêu diệt sáu nước, chính là tự thân sáu nước, chứ không phải nước Tần”

Tần Thủy Hoàng tuy là tự là xưng hoàng đế, và còn cho rằng có thể truyền ngôi đế vương lại cho đời con, đời cháu, đời chắt, đời chít, đời đời truyền nhau...cho đến vạn đời, vạn vạn đời đều là hoàng đế<sup>14</sup>, nhưng có ai ngờ rằng đến đời con của Tần Thủy Hoàng thì thiên hạ đã rơi vào tay người khác. Bởi vua Tần làm khổ muôn dân phá hoại tài sản, làm cho người dân chịu cảnh khốn cùng, nên phần đông đã sanh lòng bất mãn, thế nhưng vua Tần đã dùng những thủ đoạn rất độc ác, thời ấy không ai có thể ngăn cản được. Đợi đến đời con của Tần Thủy Hoàng là Hồ Hợi lên ngôi thì sự đối kháng phản loạn bắt đầu nổi lên. Hai nước Hán, Sở tranh đấu nhau để giành quyền đế vương, và như thế đã làm cho đất nước từng được thống nhất rơi lại vào cảnh loạn lạc, triều đại nhà Tần bị diệt vong. Đây cũng chính là “Kẻ làm mất nước Tần, chính là nhà Tần, chứ không phải là sáu nước”. Thế nên mọi việc giữa cuộc đời này không có gì là bền chắc cả, ngay cả giang san của hoàng đế cũng không giữ được, huống chi chút ít tài sản của chúng ta, có đáng là gì đâu chứ?

Tần Thủy Hoàng sau khi đã tóm thâu được sáu nước, thống nhất Hoa Hạ và từ đó nước Trung Hoa có chung một bản đồ, không còn phân chia nhiều nước nữa. Thủy Hoàng phong cho Lý Tư<sup>15</sup> làm thừa tướng, rồi nghe theo lời đề nghị của Lý Tư, tập trung hết quyền lực vào cấp trung ương, thực thi chính sách tập quyền trung ương đao to búa lớn ngang nhiên sát phạt, phế bỏ chế độ phong kiến, lập ra quận huyện, toàn bộ quyền lực đều do trung ương nắm giữ và không còn tồn tại các nước chư hầu nữa. Do dưới triều đại nhà Chu chư hầu được triều đình phong đất và có thể tự quản lý từng lãnh địa của mình, triều đình tự kiến lập một vương quốc riêng, nhưng rốt cuộc thì các nước chư hầu lại không nghe theo những hiệu lệnh của nhà vua, ai cũng mang tâm muốn giành quyền làm chủ thiên hạ. Tần Thủy Hoàng đã dẹp bỏ chế độ chư hầu này, chia cả nước ra làm 36 quận, mỗi quận có người đứng đầu do trung ương phái đến, mọi việc đều nghe theo sắc lệnh của trung ương. Thường thì người làm quan, quyền lực rất hạn chế, ít quyền lực thì không có cơ hội tạo phản triều đình. Làm được những điều này, Tần Thủy Hoàng đã tự nhận công lao của mình vượt qua cả “Tam Hoàng” (Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Nhân Hoàng), còn đức hạnh thì cao hơn “Ngũ Đế” (Hiên Viên Hoàng Đế, Chuyên Húc Huyền Đế, Tuấn Đế Cốc, Phóng Quân Đế Nghiêu và Trọng Hoa Đế Vũ), cho nên tự xưng mình là vị hoàng đế đầu tiên - “Thủy Hoàng Đế”.

Vua Tần lại thực hiện theo chính sách hết sức kỳ quái do thừa tướng Lý Tư đưa ra – đốt sách chôn học trò, đem toàn bộ các loại thư tịch, bao gồm các loại kinh điển cho đến những tác phẩm của bách gia chư tử (chư Tử là chỉ cho Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử, Mặc Tử, Mạnh Tử và Tuân Tử; bách Gia là chỉ cho các trường phái học thuật cổ điển của Trung Hoa như Nho gia, Đạo gia, Mặc gia, Danh gia, Pháp gia...) đều đem ra thiêu hủy sạch, chỉ để lại một số sách có thể cần dùng đến như sách y dược, bói toán, trồng trọt ...; rồi cho đào hầm lớn chôn sống tất cả những người có học. Quý vị xem, đến người có học thức cũng đều trở thành

kẻ phạm tội! Bởi Thủy Hoàng lo sợ nhân dân chê trách mình, bất mãn với mình rồi đứng lên tạo phản, nên đã thực thi chính sách làm ngu dân, biến họ thành những kẻ tội tó<sup>16</sup>.

Lo sợ các nước lân bang xâm lược, Tần Thủy Hoàng đã cho xây dựng Vạn Lý Trường Thành để đối phó với giặc Hồ ở phương Bắc; người Hồ, thời ấy bao gồm những dân tộc của các nước ở phía đông và phía Tây giáp với biên giới Trung Hoa như: Mông Cổ, Liên Xô, Cao ly và Nhật Bản v.v... Để xây dựng công trình Vạn Lý Trường Thành này, phải cần đến công sức và tài sản của nhân dân, thế là người dân phải hứng chịu bao khổ sở! Chỉ mỗi việc xây Vạn Lý Trường Thành thôi mà đã có biết bao nhiêu sinh linh đã ngã xuống; thế nhưng vua Tần cũng không màng đến, cứ thản nhiên xây dựng Vạn Lý Trường Thành cho đến khi hoàn tất.

Bạo Chúa Tần Thủy Hoàng lại tiếp tục bắt nhân dân làm nô dịch, xây dựng cung A Phòng. Cung A Phòng được kiến trúc rất quy mô, phòng lầu san sát, tất cả đều được chạm trổ với những nét điêu khắc và hoa văn rất độc đáo với diện tích chiếm hơn ba trăm dặm tương đương một trăm năm mươi dặm Anh. Các công trình xây dựng hiện đại ngày nay, dù quy mô đến mấy cũng không sao sánh được với Cung A Phòng. Tuy Tần Thủy Hoàng đã kiến tạo nên công trình vĩ đại như thế, nhưng cũng không cách nào giữ mãi được, cung A Phòng sau đó cũng đã bị Sở Bá Vương thiêu rụi thành tro bụi. Cho nên, Đạo Phật đã dạy rằng, tất cả đều là vô thường, đây là một chân lý không sai chạy được.

Tần Thủy Hoàng chỉ lo làm theo những điều mình thích, rồi bày ra đủ loại thuế má để vơ vét tài sản nhân dân, khiến cho dân lành càng thêm đói khổ. Bao nhiêu sắt đồng đều gom về Hàm Dương cho nấu chảy ra và đúc thành rất nhiều quả chuông lớn và kim nhân (còn gọi là đồng nhân tức người đồng), mỗi kim nhân nặng đến một tấn (千石 ‘Thiên thạch’: hai mươi vạn cân Tàu tương đương một ngàn kilogram), đem đặt ở cửa cung. Vua Tần nghĩ, người dân không có binh khí thì không thể tạo phản được, cách làm này là một kế thật

tuyệt, để giang sơn mãi vững chắc, để đời đời cháu con đều có thể làm hoàng đế! Thế nhưng ông vẫn chưa an tâm, Tần Thủy Hoàng còn cưỡng bức mười hai vạn gia đình phú hộ lặn tiên trên khắp cả nước chuyển đến kinh đô Hàm Dương để gần gũi tiện giám sát.

Tần Thủy Hoàng còn cho sửa đổi chữ viết, y phục, xe cộ, dụng cụ cân đo.v.v..thống nhất thành một thể. Riêng về phương diện thống nhất văn tự, Tần Thủy Hoàng được xem là người có một chút công lao. Đến như tiếng nói của Trung Hoa, hiện nay được xem như đã thống nhất, chứ thời xưa ngôn ngữ Trung Hoa có tiếng Quảng Đông, tiếng Phước Kiến, tiếng Ninh Ba, tiếng Hồ Nam, tiếng Hồ Bắc...mỗi xứ đều có tiếng nói riêng rất khó nghe hiểu, cũng không thể giao lưu với nhau, bây giờ có thể đã cải thiện rất nhiều.

Tần Thủy Hoàng hẳn muốn gì là làm nấy, đặt ra đủ loại thuế má nặng nề, khiến cho dân lành vô cùng khốn khó, ông xây dựng một chế độ đại đế quốc quy mô từ xưa chưa hề có. Cũng trong khoảng thời gian đó, tương đương với thời vua A Dục bên Ấn Độ. Vua A Dục đã cho xây dựng rất nhiều tháp xá-lợi Phật, vua còn phái các vị Phạm tăng (Cách người Trung Hoa gọi các vị xuất gia Ấn Độ) như Thất-ly-phòng gồm mười tám vị đến Trung Hoa truyền bá Phật Pháp. Tần Thủy Hoàng truyền lệnh mời các vị tăng Ấn Độ vào cung, vừa trông thấy các sư ăn mặc khác lạ, tiếng nói lại khó hiểu, liền ra lệnh bắt nhốt tất cả các nhà sư Ấn Độ vào ngục. Nhưng đến lúc trời tối, có vị thần mình mặc giáp vàng cao một trượng sáu, đến mở cửa ngục cứu các vị sư ra. Tần Thủy Hoàng biết được việc này nên vô cùng kinh sợ, liền cúi đầu tạ tội, lại còn dâng tặng rất nhiều lễ vật, châu báu, sản vật quý hiếm của Trung Hoa, sau đó đưa họ đến biên giới trở về Ấn Độ. Đó là lần đầu tiên Phật giáo được truyền đến Trung Hoa, chỉ tiếc là lúc ấy Tần Thủy Hoàng đã không cho phép các vị Sa Môn lưu lại Trung Hoa để truyền bá Phật Giáo, mãi cho đến Triều Đại Nhà Hán (Hán Minh Đế) Phật Giáo mới chính thức được truyền bá vào Trung Hoa. Điều này cũng bởi vì thời cơ chưa đến, nên nhân duyên chưa chín mùi, thế

nên trong thời Tần Thủy Hoàng, nhân dân Trung Hoa vẫn chưa thể đón nhận được ánh sáng Phật Pháp.

Bây giờ chúng ta cùng bình luận một chút về Nhân vật Tần Thủy Hoàng:

Hiếu Đại Hỷ công, Chiến tranh lữ hung: Tần Thủy Hoàng là người thích lớn ham công. “Hiếu đại” có nghĩa là làm gì cũng thích vĩ đại, cho nên quý vị hãy xem ông ta xây Vạn Lý Trường Thành dài và rộng như thế. Bên trên Vạn Lý Trường Thành có thể làm được ba dòng xe chạy. Ông còn xây dựng cung A Phòng rộng hơn ba trăm dặm, và không ngừng mang binh đánh nhau, chinh phạt đối phương, để chiếm lấy binh sĩ đất đai của kẻ khác đem về cho mình.

Chuyên chế độc tài, Thôn lức quốc binh: Tần Thủy Hoàng vừa chuyên chế, vừa độc tài, tiêu diệt sáu nước để tóm đầu quyền lực vào tay của mình.

Tung hoành cường vọng, Tự khoa sinh năng: Tần Thủy Hoàng là không tuân thủ theo quy luật chung, cố tình thích làm theo ý nghĩ của riêng mình... tung hoành dọc ngang thiên hạ, chẳng kiêng nể một ai. Ông lại tự tôn vinh, ca ngợi và tán thán chính mình, tự nhận công lao của mình to lớn hơn cả “Tam Hoàng”, đức lớn hơn cả “Ngũ Đế”, xem ai cũng không bằng mình.

Ngũ Đế Tam Hoàng, Bất nguyện tịnh hành: Tần Thủy Hoàng không chịu cùng ngang hàng cùng Tam hoàng Ngũ đế, khinh mạn Tam hoàng Ngũ đế, cho mình cao hơn cả trời, hơn cả Thượng Đế.

Lại có kẻ rằng:

Bạo ngược vô đạo nhất kiêu hùng: Tần Thủy Hoàng là một ông vua bạo ngược vô đạo, hết sức tàn nhẫn, nếu không thì làm gì có chuyện đốt sách chôn sống học trò chứ!

Hổ thủ nhân thân quái yêu tinh: Tần Thủy Hoàng chính là một yêu quái ăn thịt người, cũng giống như thân là người nhưng mang đầu hổ, thật là một quái tinh.

Thực tận thế nhân lưu bạch cốt: Loài quái tinh này đã bắt người trên khắp nhân gian ăn thịt chỉ còn chừa lại xương cốt.

Trảm tuyệt thương sinh, nhiễm huyết tinh: Tần Thủy Hoàng nhẫn tâm giết hết mọi người, toàn thân nhuộm đầy máu tanh hôi.

Vạn lý trường thành điều cố tích: Người đời sau đến viếng trường thành như là một chứng nhân để truy điệu những dấu tích oan nghiệt ngày xưa.

Thiên kiếp cự khanh hận nan bình: Mỗi khi nghĩ đến việc Tần Thủy Hoàng vì xây Trường Thành, đã đào hố chôn sống vạn vạn sinh mạng. Hố sâu oan nghiệt mà vua Tần đã đào, hố sâu oán hận này cho dù cả ngàn đại kiếp qua đi cũng không thể lấp được nỗi uất hận ấy!

Doanh Tần chính lực kim hà vãng: Họ Doanh là họ của nhà Tần, nên gọi là Doanh Tần, để phân biệt với nhà Phù Tần sau này, thế lực của Doanh Tần ngày nay đã đi đâu hết rồi? Chẳng còn ai biết được!

Thả khứ Nhật bản vấn ngư ông: Nếu có thể, chúng ta nên đến Nhật Bản mà hỏi thăm, người Nhật có lẽ ít nhiều cũng biết chuyện này. Lí do tại sao người Nhật lại biết chuyện này? Nhân vì Tần Thủy Hoàng khi ấy muốn trường sinh bất lão, để vĩnh viễn muôn đời ngự trị ở ngôi Vua, khi nghe nói giữa đại dương mênh mông có hòn đảo tiên tên là Bồng Lai, liền bắt sống cả ngàn thanh thiếu niên nam, nữ tướng mạo đẹp đẽ, do Từ Phúc dẫn đầu, đưa các em đi đến đảo Bồng Lai để đổi lấy thuốc trường sinh bất lão mang về cho Tần Thủy Hoàng. Những thiếu niên ấy đã mang trong lòng một nỗi uất hận lìa xa quê hương để bôn ba nơi xứ lạ. Tuy rằng sau đó những thiếu niên ấy kết hôn với nhau, sinh con đẻ cái nối dõi và trở thành người Nhật Bản sau này; nhưng quý vị thử xem người Nhật lúc nào cũng hung hăng không chịu khuất phục. Dù đã qua bao nhiêu thời gian, lòng oán hận của họ vẫn ngùn ngụt. Có thể những đứa trẻ ấy khi bị Tần Thủy Hoàng bắt đem đến Nhật bản thì cha mẹ của

chúng cũng mang một nỗi oán hận như thế. Cứ nhìn người Nhật thì biết, tính khí của họ hung hăng, nếu không sao lại mang quân sang xâm lược nước Trung Hoa kia chứ? Cho nên quý vị có thể xem tính dân tộc của mỗi quốc gia mà có thể biết họ từ đâu đến.

***Tuyên Hóa thượng nhân giảng vào ngày 04/09/1987***

---000---

HẾT

---

<sup>1</sup> *Người Trung Hoa dùng tên Giáp và Ất để ví dụ chỉ hai người nào đó như người A và B.*

<sup>2</sup> Ban đầu, vua A Dục cai trị nhân dân vô cùng tàn nhẫn, dù sống trên dương gian nhưng chẳng khác nào dưới địa ngục, cho nên nói rằng vua đã tạo ra “địa ngục trần gian” là vì vậy. Phàm đã vào địa ngục này rồi thì không một ai sống sót trở về, thậm chí người đi ngang qua địa ngục cũng bị lôi vào sát hại. Vào thời ấy, có vị Tỳ Kheo xuất gia tu hành chưa được bao lâu, một hôm mang bình bát đi khất thực lại đến nhằm trước cửa địa ngục, liền bị ngục tốt lôi vào hành hình. Vị Tỳ Kheo ấy vô cùng sợ hãi, xin ngục tốt cho mình trước khi chết được hành nghi thức lễ sám của chốn thiên môn. Tỳ kheo ấy vừa quay qua thì thấy có người bị trói đưa vào hành hình, trong phút chốc mà xương tan thịt nát. Vị Tỳ Kheo thấy thế thì trong lòng hết sức đau buồn, và nhân đây mà tỏ ngộ được lý vô thường, chứng đắc quả vị Vô Học (Tứ quả A La Hán). Bấy giờ ngục tốt nói với Tỳ Kheo: “Đến lượt ngươi phải chết rồi đấy!” Do vì Tỳ Kheo lúc này đã chứng thánh quả nên xem sanh tử như nhau, tâm rất bình thản, tuy bị ném vào chảo nước sôi sùng sục nhưng lại như đang ở trong hồ nước mát; trong nước lại hiện lên một đóa hoa sen lớn làm toà ngồi cho vị Tỳ Kheo. Chủ ngục thấy thế thì vô cùng kinh sợ, lập tức sai người đến tâu với vua A Dục. Vua A Dục vừa nhìn thấy việc thần kỳ này thì cảm thấy xúc động sâu xa, lòng từ khơi dậy, bèn quy y Tam Bảo, phụng trì chánh



---

pháp. Vị Tỳ Kheo cảm hóa vua A Dục lúc ấy chính là Tỳ Kheo Hải vậy.

<sup>3</sup> Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối là hiền tướng của thời kỳ khai quốc nước Đại Đường, sau khi Thái Tông lên ngôi, hai ông giữ chức tả hữu Thượng Thư, cùng chung sức lo việc triều chính, một thời được ca tụng là “Phòng Đỗ”. Phòng Huyền Linh trong coi việc chỉnh sửa quốc sử, sửa đổi hoặc bỏ đi những điều luật không hợp lý, nên luật pháp Đại Đường rất công chính nghiêm minh.

<sup>4</sup> Lý Tĩnh, một đại tướng thời khai quốc nước Đại Đường, một nhà quân sự, đối với kỷ luật quân đội rất nghiêm túc rõ ràng, dùng binh nhanh chóng như thần, ông có công bình định được Giang Nam và các vùng biên cương

<sup>5</sup> Lý Tích, một đại tướng thời khai quốc nước Đại Đường, ông vốn là họ Dư, sau khi quy phục vua Đường được vua cho đổi thành họ Lý. Vào thời Đường Thái Tông, ông cùng Lý Tĩnh đối với triều đình rất có công lao.

<sup>6</sup> Tần Quỳnh, tự là Thúc Bảo, một đại tướng của thời khai quốc nước Đại Đường, rất có khí tiết, oai dũng thiện chiến, thường làm tướng tiên phong, tham gia rất nhiều trận chiến.

<sup>7</sup> Úy Trì Kính Đức, một đại tướng thời kỳ khai quốc nước Đại Đường, ông vốn là một viên tướng của một trong những nhóm hào hùng khác trong thời cuối đời Tùy, sau đó đầu hàng nhà Đường, Thái Tông thấy ông biết là người tài, về sau lập được nhiều chiến công.

<sup>8</sup> Sau khi Đường Thái Tông lên ngôi, lập người họ Trương Tôn làm hoàng hậu. Hoàng hậu Trương Tôn là người hiền đức và thông minh, giản dị tiết kiệm, hoàng hậu chỉ chọn dùng những thứ thực sự cần thiết. Hoàng hậu thường khuyên Thái Tông không nên cho anh em bà con bên nhà mình làm quan trong triều, cũng để trừ cái họa ngoại tộc; bà còn đề nghị ban thưởng các vị trung thần, dùng lời khéo khuyên Thái Tông nên biết chân thành nghe lời khuyên gián. Do đó, Thái Tông rất kính trọng, thường cùng bà bàn bạc chuyện thưởng phạt trong triều. Hoàng hậu mất năm 36

---

tuổi, từng góp nhặt gương sáng của những phụ nữ ngày xưa, trước tác cuốn 《Nữ Tắc》 (Phép Tắc Người Phụ Nữ). Có lần, sau khi bãi triều, Đường Thái Tông sắc mặt giận dữ mắng: “Ta không giết tên này là không được!”, hoàng hậu Trường Tôn vội vàng hỏi: “Bệ hạ đang nói ai?” Thái Tông trả lời: “Là nói Ngụy Trưng chứ ai, hễ suốt ngày ở điện Kim Loan làm nhục ta trước mặt bá quan”. Hoàng hậu Trường Tôn im lặng lui ra, thay y phục hoàng hậu, đứng ở giữa sân, chuẩn bị triều bái. Thái Tông vô cùng kinh ngạc, hỏi có chuyện gì, hoàng hậu đáp: “Thiếp nghe rằng nếu vua là người hiền minh, thì thần mới dám dùng lời thẳng thắn để can gián; Ngụy Trưng đã ngay thẳng như thế, đều là do bệ hạ là người hiền minh, nên mới nói với bệ hạ những lời ấy!” Thái Tông thay đổi sắc mặt mỉm cười. Để bảo vệ sự tôn nghiêm của hoàng đế Thái Tông, hoàng hậu Trường Tôn đã khéo léo hóa giải được nguy cơ mất mạng của Ngụy Trưng, đồng thời cổ vũ cho Đường Thái Tông sự chân thành lắng nghe lời can gián.

<sup>9</sup> Tiết Nhân Quý, võ nghệ vượt trội hơn người, ông đi đến đâu là quân địch tan tành đến đó, tham gia nhiều trận chiến, đánh đâu thắng đó. Khi ông dẫn binh chinh phạt Đột Quyết, Đột Quyết vừa nghe nói tới tướng nhà Đường là ông ta sợ hãi thất sắc, bỏ đi không dám giao chiến.

<sup>10</sup> Xem “*Phật Tổ Đạo Ảnh*” (2) nhà xuất bản Bốn Hội, trang 16, *Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận đời thứ ba mươi bảy*.

<sup>11</sup> Xem “*Thủy Kính Hồi Thiên Lục*” (1). trang 31. *Bùi Hưu*

<sup>12</sup> Theo một cách giải thích khác thì cho rằng: ngày xưa người ta xem quân Hung Nô, Đột Quyết, Thổ Phan như là những đội quân lang sói (một kiểu tôn sùng loài sói làm vật thiêng), do đó mà còn gọi là lang chúa hay lang binh. Mỗi khi các đội quân này xuất hiện thì việc đốt lửa làm tín hiệu với ý rằng quân lang sói đang tiến đến. Theo cách lý giải này thì đã bác bỏ việc đốt phân sói thực tế sẽ không có chuyện khói nhiều và khói lên cao vút như cách giải thích truyền thống. (Chúng tôi trong khi dịch đã sưu tầm và chú thích thêm để đọc giả cùng tham khảo).

---

<sup>13</sup> Tại sao Thân Hậu lại mượn quân Khuyển Nhung để đánh Châu U Vương? Bởi vì Châu U Vương sủng ái Bao Tự quá mức, mà phế bỏ hoàng hậu Thân Hậu, còn đuổi thái tử con của hoàng hậu ra khỏi cung, rồi lập Bao Tự lên ngôi hoàng hậu, lập con của Bao Tự là Bá Phục lên thái tử. Thêm vào đó U Vương nổi lửa đài tin đùa cợt chư hầu, lại bao bọc tin tưởng vào ông quan sàm nịnh xảo trá Thạch Phụ, những yếu tố đó đã khiến thân phụ của Thân Hậu nổi giận, bèn mượn quân Khuyển Nhung đánh phạt Châu U Vương.

<sup>14</sup> *Tần Thủy Hoàng nhiều lần gặp tai nạn, nhiều lần bị ám sát, cả đời của ông ta gặp hiểm nguy không ít. Tuy luôn ôm mộng trường sanh bất tử, nhưng rồi lần thứ tư khi đi tuần du, vua Tần đã lâm bệnh và qua đời tại Sa Khâu (nay là Hà Bắc huyện Bình Hương), năm ấy vua mới 50 tuổi, nguyên nhân mà nhà vua băng hà đến nay vẫn chưa được xác định rõ*

<sup>15</sup> *Lý Tư là học trò của Tuân Tử, ông ta học “thuyết tính ác”(con người sinh ra vốn đã có sẵn tính ác) của Tuân Tử, quan niệm cơ bản của thuyết này chính là dùng pháp luật nghiêm khắc để ngăn chặn bản tính làm ác của con người. Còn Mạnh Tử thì ngược lại, cho rằng con người sinh ra bản tánh vốn hiền lương, đề xướng “thuyết tánh thiện”. Lý Tư vốn chỉ là một khách quan của Tần Thủy Hoàng, về sau được Tần Thủy Hoàng tin nhiệm cho làm thừa tướng, có thể nói là chức vị quan cao nhất trong triều đình, nhưng ông ta tuy hiểu biết yếu chỉ của lục nghệ, nhưng lại không lấy chính nghĩa phục vụ cho triều đình để bù đắp những khuyết điểm của Tần Thủy Hoàng, trái lại vì quá xem nặng bổng lộc, nên chiều theo ý thị hành những hình phạt tàn khốc. Thậm chí khi Tần Thủy Hoàng băng hà, Lý Tư đã nghe theo âm mưu của quan thái giám Triệu Cao, lập chiếu chỉ giả, phế bỏ thái tử Phù Tô, lập Hồ Hợi – một kẻ ngu muội – lên kế vị Tần Thủy Hoàng tức là Tần Nhị Thế. Cuối cùng, Lý Tư cũng bị Triệu Cao lập kế mưu hại, không chỉ một mình Lý Tư bị chém đầu mà còn liên lụy đến cả dòng họ ba đời đều bị tru di.*

---

<sup>16</sup> Chính sách cai trị bạo tàn của Tần Thủy Hoàng, không những ức chế nhân dân, mà còn cho rằng quý thần cũng phải sợ mình nữa, những hình phạt lập ra cũng có thể dành cho những loài khác loài người. Ví dụ có một lần khi đi tuần về phía Nam phải qua sông Trường Giang để đến núi Tương thì gặp phải gió lớn, thuyền không cách nào lướt tới nổi, Tần Thủy Hoàng nổi giận lôi đình, lấy lý do là “thần núi Tương thổi gió lớn, làm trở ngại đường mình đi” rồi sai ba ngàn tù binh, chặt hết toàn bộ cây trong núi Tương.